

Bộ Công Thương
Tổng cục Năng lượng

Dự án

**Tiết kiệm năng lượng cho các ngành Công nghiệp Việt Nam
(VEEIE)**

SỔ TAY HOẠT ĐỘNG

Cơ quan biên soạn tài liệu

Ban quản lý dự án VEEIE
Bộ Công Thương
Việt Nam
(Bản chỉnh sửa lần 1)

Hà Nội, tháng 4 năm 2017

MỤC LỤC

Các từ viết tắt.....	3
1. Giới thiệu.....	4
2. Hiệu lực của Sổ tay Hướng dẫn hoạt động.....	4
3. Mô tả Dự án	4
3.1 Mục tiêu phát triển dự án và các hợp phần của dự án.....	4
3.2 Tổ chức thực hiện dự án:	5
3.3 Cơ chế tài chính.....	7
3.4 Doanh nghiệp vay vốn cuối cùng hợp lệ.....	8
3.5 Các tiểu dự án TKNL hợp lệ.....	8
3.6 Khung kết quả của Dự án.....	9
4. Các Ngân hàng tham gia (PFIs)	11
Phần A. Phê duyệt hồ sơ xin vay lại.....	13
5. Điều khoản cho vay lại	13
6. Quy trình rà soát hồ sơ xin vay lại	13
6.1 Thủ tục kiểm tra trước	14
6.2 Thủ tục kiểm tra sau.....	16
7. Yêu cầu đối với cho vay lại	16
7.1 Doanh nghiệp vay vốn hợp lệ	17
7.2 Các tiểu dự án tiết kiệm năng lượng hợp lệ	17
7.3 Tài trợ hồi tố.....	18
7.4 Điều khoản trong Hợp đồng vay giữa Doanh nghiệp vay vốn và Tổ chức tài chính tham gia.	18
7.5 Mua sắm đấu thầu.....	19
7.6 Đánh giá kỹ thuật đối với các tiểu dự án TKNL	21
7.7 Khung bảo vệ môi trường	23
7.8 Khung chính sách tái định cư.....	23
7.9 Khung kế hoạch dân tộc ít người	25
7.10 Chi tiêu kinh tế.....	29
8. Hồ sơ xin vay lại.....	29
Phần B. Thực hiện khoản vay	30
9. Thủ tục giải ngân và Yêu cầu quản lý tài chính.....	30
9.1 Thủ tục giải ngân	30
9.2 Phương pháp hoàn trả	30
9.3 Phương pháp tạm ứng.....	31
9.4 Kế hoạch giải ngân	31
9.5 Báo cáo tài chính	32
9.6 Yêu cầu kiểm toán	32
10. Mua sắm đấu thầu.....	33
11. Giám sát sự tuân thủ các chính sách an toàn	33
12. Thủ tục trả nợ.....	34
13. Báo cáo tiến độ.....	34
14. Giám sát và đánh giá của Ngân hàng Thế giới	35
Phụ lục 1: Biểu sàng lọc.....	88
Phụ lục 2: Khung đánh giá kỹ thuật	89
Phụ lục 3: Mẫu Kế hoạch Giải ngân	88
Phụ lục 4: Mẫu Kế hoạch Đấu thầu	88

Các từ viết tắt

DA	Tài khoản chi định	NOL	Thư không phản đối
DP	Người bị di dời	NPV	Giá trị hiện tại ròng
EIA	Đánh giá tác động môi trường	OM	Sổ tay Hướng dẫn hoạt động
EM	Dân tộc ít người	OP	Chính sách hoạt động
EMP	Kế hoạch quản lý môi trường	PFI	Ngân hàng tham gia
EMPF	Khung Kế hoạch dân tộc ít người	PC	Công ty Điện lực
EP	Kế hoạch dân tộc ít người	PMB	Ban quản lý dự án
ER	Giảm phát thải	PoA	Chương trình hoạt động
EPC	Cam kết bảo vệ môi trường	PPA	Hợp đồng mua bán điện
ERR	Hệ số hoàn vốn kinh tế	PPC	Ủy ban nhân dân tỉnh
ERPA	Thỏa thuận mua bán giảm phát thải	QCBS	Lựa chọn dựa trên chất lượng và chi phí
ESF	Khung bảo vệ môi trường	RAD	Cơ sở dữ liệu đăng ký xin vay lại
GWh	Giga Watt Giờ	RAP	Hồ sơ xin vay lại
ICB	Đấu thầu cạnh tranh quốc tế	RE	Năng lượng tái tạo
ICR	Báo cáo hoàn thành thực hiện	VEEIE	Dự án Tiết kiệm năng lượng cho các ngành công nghiệp Việt Nam
IDA	Hiệp hội Phát triển Quốc tế	RESPP	Các đơn vị sản xuất điện nhỏ tiết kiệm năng lượng
IDC	Lãi trong thời gian xây dựng	RFP	Yêu cầu đề xuất
IDP	Kế hoạch phát triển thể chế	RP	Kế hoạch tái định cư
kWh	Kilo Watt Giờ	RPF	Khung chính sách tái định cư
LoA	Thư phê duyệt	SA	Đánh giá xã hội
MOF	Bộ Tài chính	SBV	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
MOIT	Bộ Công Thương	SLA	Hợp đồng cho vay lại
MONRE	Bộ Tài nguyên Môi trường	SPPA	Hợp đồng mua bán điện mẫu
MOU	Biên bản ghi nhớ	TA	Hỗ trợ kỹ thuật
MTR	Đánh giá giữa kỳ	WB	Ngân hàng Thế giới
MW	Mega Watt		
MWh	Mega Watt Giờ		
NCB	Đấu thầu cạnh tranh trong nước		

1. Giới thiệu

Sổ tay Hướng dẫn hoạt động (OM) này mô tả sử dụng các nguồn tài trợ của Ngân hàng Thế giới (WB) để các Ngân hàng tham gia (PFIs) cho các doanh nghiệp hợp lệ vay lại để thực hiện các dự án tiết kiệm năng lượng hợp lệ trong khuôn khổ dự án Tiết kiệm năng lượng cho các ngành công nghiệp Việt Nam (tên tiếng Anh: Vietnam Energy Efficiency for Industrial Enterprises (VEEIE)).

Riêng đối với nguồn vốn vay IDA của WB (1,7 triệu USD để thực hiện Hợp phần Hỗ trợ kỹ thuật) và nguồn vốn đối ứng (khoảng 0,3 triệu USD do Ngân sách Nhà nước đảm bảo), Bộ Công Thương sẽ phối hợp với Bộ Tài chính và WB hoàn thành sổ tay hướng dẫn chi tiết về quy trình quản lý dự án, quản lý tài chính, hoạt động và cơ chế thực hiện giải ngân trước khi Hợp phần này đi vào thực hiện.

OM bao gồm những nội dung sau: (i) đề ra các tiêu chí hợp lệ cho vay lại các dự án tiết kiệm năng lượng; (ii) mô tả quy trình để các PFIs và doanh nghiệp công nghiệp cần phải tuân thủ khi đăng ký xin vay lại cho các dự án tiết kiệm năng lượng; (iii) cung cấp các mẫu biểu cần thiết được sử dụng trong quá trình đăng ký, rà soát phê duyệt, giám sát và báo cáo; và (iv) mô tả quy trình chung cho vay lại xác định rõ vai trò và trách nhiệm của từng bên tham gia.

OM này gồm hai phần, sau phần giới thiệu chung. Phần A (Phê duyệt hồ sơ xin vay lại) trình bày việc phê duyệt các hồ sơ xin vay lại. Phần B (Thực hiện khoản vay) trình bày các quy trình sau khi đã phê duyệt hồ sơ xin vay lại như giải ngân, mua sắm đấu thầu, và giám sát việc tuân thủ các chính sách an toàn.

2. Hiệu lực của Sổ tay Hướng dẫn hoạt động

Tính hợp lệ để các PFIs cho vay lại dự án sẽ được đánh giá dựa vào quy trình và yêu cầu quy định trong OM. OM này có thể được sửa đổi và bổ sung trong quá trình thực hiện, bổ sung các bài học kinh nghiệm hoặc các yêu cầu phát sinh. Tính hợp lệ của khoản vay lại sẽ được đánh giá theo bản OM mới nhất tại thời điểm đó. Các bên có liên quan cần kiểm tra với Ban quản lý dự án (PMB) về phiên bản OM mới nhất. Phiên bản mới nhất này cũng sẽ được đăng tải trên trang web của PMB (<http://tietkiemnangluong.com.vn/>). Các bản OM sửa đổi sẽ không ảnh hưởng tới các tiểu dự án đã được phê duyệt trước đó.

3. Mô tả Dự án

3.1 Mục tiêu phát triển dự án và các hợp phần của dự án

Mục tiêu phát triển của dự án (PDO) là nâng cao tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp của Việt Nam. Thông qua đó dự án sẽ đóng góp vào việc đạt được các mục tiêu về tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính (GHG) của Chính phủ. Các chỉ số thực hiện kết quả dự án bao gồm: (1) năng lượng tiết kiệm dự kiến trong toàn bộ tuổi thọ của dự án (MWh); (2) Số lượng các doanh nghiệp công nghiệp được hưởng lợi từ dự án. Các chỉ số kết quả hoạt động trung gian bao gồm: (1) tổng số người hưởng lợi trực tiếp của dự án bao gồm tỷ lệ phần trăm phụ nữ; (2) tổng mức giảm phát thải khí nhà kính hàng năm (tấn CO₂); (3) số dự án TKNL được phát triển; và (4) Giá trị đầu tư lũy kế vào TKNL do dự án hỗ trợ (triệu US\$).

Dự án gồm hai hợp phần: (a) Cho vay đầu tư vào các dự án tiết kiệm năng lượng

(TKNL) trong đó khoản vay 100 triệu US\$ từ IBRD hỗ trợ cho các dự án TKNL trong các ngành công nghiệp thông qua các tổ chức tài chính tham gia (PFIs); và (b) Khoản tài trợ 1,7 triệu US\$ từ IDA dành cho hỗ trợ kỹ thuật (TA).

Chương trình tài chính carbon (CFP) tiềm năng cũng sẽ được xây dựng song song để cung cấp thêm nguồn tài chính cho TA. CFP sẽ đạt được các mục tiêu của mình thông qua đóng góp vào dỡ bỏ các rào cản và tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành công nghiệp tham gia vào dự án VEEIE.

3.2 Tổ chức thực hiện dự án:

Dự án sẽ do Bộ Công Thương (MOIT) và một số ngân hàng được lựa chọn tham gia thực hiện. Ban quản lý dự án được thành lập tại TCNL chịu trách nhiệm quản lý các dự án ODA trong lĩnh vực Tiết kiệm năng lượng. Các thành viên Ban QLDA là các cán bộ công chức của TCNL kiêm nhiệm quản lý, điều phối thực hiện các dự án ODA thuộc lĩnh vực tiết kiệm năng lượng và được hưởng chế độ lương, phụ cấp kiêm nhiệm quản lý từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành và các chuyên gia, tư vấn có chuyên môn sâu, rộng về ngành nghề liên quan đến dự án để quản lý chất lượng, điều phối, xây dựng các báo cáo, đánh giá, giám sát về tình hình thực hiện các hoạt động của dự án, bao gồm kết quả thực hiện PFIs theo chuẩn mực yêu cầu của nhà tài trợ như điều phối viên, tư vấn tài chính, chuyên gia giám sát, chuyên gia môi trường xã hội. Kinh phí chi trả cho các chuyên gia, tư vấn này được chi từ khoản vay IDA 1,7 triệu USD.

Các PFIs sẽ giám sát và kiểm soát từng doanh nghiệp công nghiệp và (các) dự án của họ để đảm bảo hoàn trả khoản vay và hoàn thành tất cả các tiêu chí thực hiện khác phù hợp với điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay lại. PFI sẽ thuê các chuyên gia về kỹ thuật, xã hội và môi trường để soát xét chi tiết các tiểu dự án. Các yêu cầu của dự án cũng sẽ tác động tới hợp đồng cho vay lại giữa các PFIs và doanh nghiệp thông qua yêu cầu tuân thủ triệt để các chính sách an toàn về môi trường và xã hội của Ngân hàng Thế giới.

Doanh nghiệp công nghiệp sẽ tiếp cận các PFIs bằng các tiểu dự án và PFIs sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn việc thẩm định và đánh giá các tiểu dự án và phải chịu mọi rủi ro có liên quan. PMB sẽ nhận diện các đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn TKNL chất lượng tốt để hỗ trợ các PFIs rà soát độc lập và thẩm tra khi cần. Khoản vay IBRD được chuyển xuống các PFIs thông qua MOF.

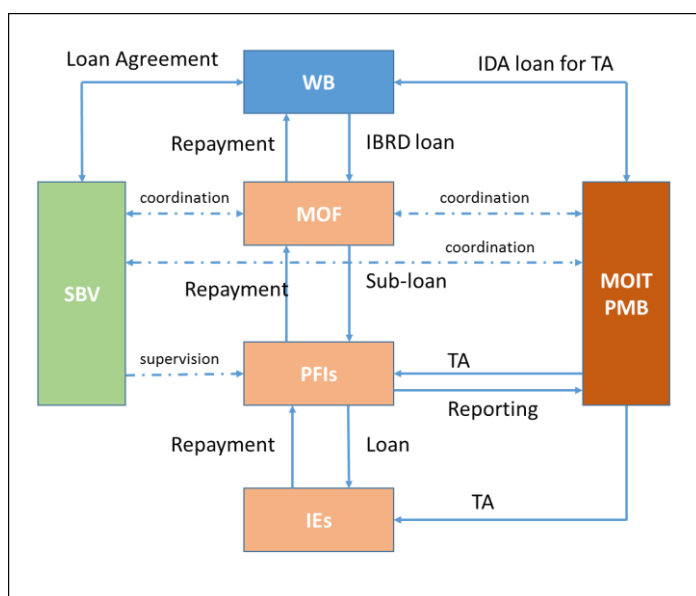
Vai trò và trách nhiệm của các bên:

PMB (MOIT) có các trách nhiệm sau:

1. Chịu trách nhiệm quản lý và điều phối chung hàng ngày cho dự án VEEIE;
2. Lập và quản lý tài khoản chỉ định cho các hoạt động TA của VEEIE (để giải ngân khoản tài trợ IDA);
3. Giám sát các tiểu dự án đã được phê duyệt cho vay lại trong thời gian xây dựng và vận hành để đảm bảo đáp ứng tất cả các yêu cầu;
4. Quản lý việc thực hiện các thành phần của hợp phần TA trong dự án VEEIE;
5. Giám sát tiến độ thực hiện và thực hiện các biện pháp khắc phục khi cần;
6. Hỗ trợ các PFIs và doanh nghiệp công nghiệp về quy trình và thủ tục, tư vấn về các khía cạnh kỹ thuật khi cần;
7. Xem xét các báo cáo do PFIs, IEs trình nộp PMB; Giám sát cơ cấu vốn đối ứng của PFIs và IEs trong quá trình thực hiện dự án;
8. Báo cáo thường xuyên cho MOIT và WB về tiến độ thực hiện dự án;
9. Phối hợp với các bộ ngành liên quan (MOF, SBV, MPI, OOG) để giải quyết các vấn đề

phát sinh trong quá trình thực hiện.

Thu xếp thực hiện



PFIs có các trách nhiệm sau:

1. Ký kết Hợp đồng cho vay lại (SLA) với MOF;
2. Ký Hiệp định dự án với WB;
3. Thẩm định các dự án TKNL do các doanh nghiệp công nghiệp đề xuất để đảm bảo tính khả thi về kỹ thuật, kinh tế và tài chính;
4. Cung cấp khoản vay lại cho các doanh nghiệp công nghiệp để thực hiện các tiểu dự án TKNL hợp lệ;
5. Đảm bảo nguồn vốn đối ứng để thực hiện các tiểu dự án theo thiết kế dự án được phê duyệt;
6. Yêu cầu cho vay lại một phần khoản vay đối với các dự án TKNL hợp lệ nếu thấy các dự án này đáp ứng tất cả các yêu cầu cho vay lại;
7. Chịu toàn bộ rủi ro đối với khoản vay cung cấp cho các doanh nghiệp công nghiệp;
8. Thẩm định dự án xin cho vay lại đáp ứng tất cả các yêu cầu cho vay lại (bao gồm cả các khía cạnh về an toàn);
9. Trình Hồ sơ xin vay lại lên WB để thông qua;
10. Giải ngân khoản vay cho các doanh nghiệp công nghiệp theo khối lượng công việc hoàn thành và các hợp đồng ký kết với các nhà thầu cung cấp;
11. Giám sát thực hiện các tiểu dự án;
12. Hoàn trả khoản vay lại theo quy định trong SLA;
13. Báo cáo lên PMB theo quy định trong OM này và báo cáo về phần vốn đối ứng của PFIs trong các tiểu dự án;
14. Cung cấp các tài liệu và thông tin cho PMB trên cơ sở hàng năm để PMB đánh giá xem PFI đó có đáp ứng được các tiêu chí tối thiểu để tiếp tục tham gia dự án nữa không;
15. Tham gia vào các khóa đào tạo do PMB và WB cung cấp.

Doanh nghiệp công nghiệp có các trách nhiệm sau:

1. Lập Tài liệu dự án, bao gồm: Nghiên cứu khả thi (FS), và Kế hoạch quản lý môi trường (EMP), Kế hoạch tái định cư (RP), và Kế hoạch dân tộc ít người (EP) nếu được yêu cầu để trình lên PFI;
2. Đảm bảo rằng Văn kiện dự án bao gồm tất cả các thông tin và tài liệu cần thiết để PFI và WB xác minh rằng tất cả các yêu cầu về cho vay lại được đáp ứng;
3. Đảm bảo nguồn vốn đối ứng để thực hiện các tiểu dự án theo thiết kế dự án được phê

- duyet;
4. Tham gia vào các khóa đào tạo do dự án cung cấp;
 5. Cung cấp các phản hồi khi được PMB yêu cầu thông qua các bảng câu hỏi, hội thảo đánh giá,...;
 6. Hỗ trợ PMB trong việc nhận thức các vấn đề và rào cản đối với thực hiện các dự án TKNL;
 7. Thực hiện EMP, RP, và EP (nếu có) theo quy định trong các kế hoạch này;
 8. Lập các báo cáo định kỳ như quy định trong OM (kế hoạch đấu thầu, báo cáo tài chính....);
 9. Xin Không phản đối của WB đối với các gói mua sắm đấu thầu vượt ngưỡng quy định.

Trách nhiệm của MOF:

1. Ký kết SLAs với các PFIs;
2. Thẩm tra và ký các đơn rút vốn;
3. Ban hành hướng dẫn giải ngân cho dự án;
4. Ghi có cho các PFIs dựa vào đơn xin rút vốn cho mỗi sáu tháng;
5. Hỗ trợ tái cơ cấu dự án (nếu cần);
6. Tham gia, khi cần, vào các thảo luận với MOIT và WB trong toàn bộ thời gian dự án.

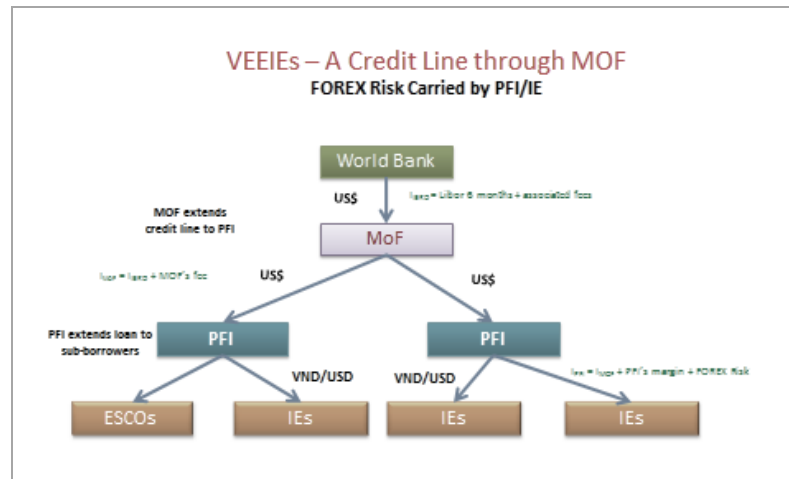
Trách nhiệm của WB:

1. Giám sát VEEIE;
2. Hướng dẫn và cố vấn thực hiện VEEIE;
3. Xem xét và phát hành Không phản đối;
4. Xem xét hồ sơ xin cho vay lại và kiểm tra xem tất cả các yêu cầu đối với xin vay lại đã được đáp ứng chưa và nếu đã đáp ứng, phát hành Không phản đối;
5. Xem xét và thanh toán khoản vay lại từ WB tới PFIs nếu được các PFI đề nghị;
6. Xem xét và phát hành thư Không phản đối cho các gói thầu Đấu thầu cạnh tranh quốc tế (ICB), Lựa chọn tư vấn dựa trên chất lượng và chi phí (QCBS) nếu gói thầu có giá trị vượt ngưỡng và phải xem xét trước;
7. Xử lý các yêu cầu sửa đổi các hiệp định pháp lý khi được yêu cầu.

3.3 Cơ chế tài chính

MOIT, MOF và WB đã thỏa thuận với nhau về một hạn mức tín dụng trị giá 100 triệu US\$ được cung cấp qua MOF. Cơ chế tài chính này phù hợp với quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về cho vay lại. Với cơ chế này, WB sẽ cung cấp cho Chính phủ Việt Nam do Bộ Tài chính làm đại diện một khoản vay. Khoản vay bằng đô la Mỹ theo điều kiện chuẩn IBRD có thời hạn 10 năm (trong đó, thời gian ân hạn 5 năm). MOF sẽ cho các PFIs vay lại bằng đô la Mỹ với thời hạn tương tự, lãi suất từ MOF tới các PFIs bằng lãi suất của IBRD cộng với phí cho vay lại (0,25%) trả cho MOF để trang trải chi phí quản lý. Các PFIs có thể cho các IEs vay lại bằng đô la Mỹ hoặc đồng Việt Nam trên nguyên tắc tuân thủ các quy định Pháp luật hiện hành của Việt Nam về cho vay ngoại hối. Việc quyết định đồng tiền cho vay, các PFIs tự chịu trách nhiệm về rủi ro hối đoái và lãi suất đối với các IEs sẽ được xác định trên cơ sở thương mại bằng cách cộng thêm lợi nhuận của PFI và rủi ro hối đoái. Nếu các IEs đủ điều kiện được vay bằng đô la Mỹ, các PFIs quyết định lãi suất áp dụng cho các IEs, trên cơ sở thương mại bằng cách thông thêm lợi nhuận được xác định bằng chi phí của PFI, rủi ro của tiểu dự án và mức độ tín nhiệm của doanh nghiệp vay vốn. Thời hạn cho vay lại đối với các IE được PFI và IE thỏa thuận dựa vào loại hình TKNL, thời gian hoàn vốn của tiểu dự án. PFIs có thể quay vòng vốn vay theo thực tế khoản vay trong thời gian trả nợ là 10 năm.

Cơ chế tài chính



3.4 Doanh nghiệp vay vốn cuối cùng hợp lệ

Các IEs nhà nước và tư nhân đều hợp lệ tham gia vào dự án miễn là các doanh nghiệp này không có sở hữu chéo với PFI cho các doanh nghiệp này vay lại. Dự án nhằm mục đích hỗ trợ các ngành công nghiệp có cường độ năng lượng cao và tiềm năng tiết kiệm năng lượng lớn. Tất cả các IEs đều có thể tham gia bất kể ở cấp độ quy mô nào nếu chứng minh đáp ứng được mức tiết kiệm năng lượng tối thiểu.

ESCOs (bao gồm cả các công ty cho thuê), cung cấp nhiều loại dịch vụ để thực hiện các dự án TKNL thông qua các hợp đồng dựa trên năng lực thực hiện, theo đó người sử dụng cuối thanh toán cho các dịch vụ từ tiết kiệm năng lượng được chứng minh, cũng sẽ hợp lệ để tham gia vào dự án này.

3.5 Các tiểu dự án TKNL hợp lệ

Tính hợp lệ về kỹ thuật của tiểu dự án

Các loại tiểu dự án TKNL chính hợp lệ được tài trợ trong dự án này bao gồm: (a) thay thế các công nghệ công nghiệp kém hiệu quả bằng các công nghệ tiết kiệm năng lượng như nồi hơi công nghiệp, lò nung và các hệ thống trao đổi nhiệt hiệu suất cao; (b) thu hồi và tận dụng khí phụ phẩm, nhiệt thải và áp suất; (c) lắp đặt các thiết bị điện và cơ khí hiệu suất cao, bao gồm các động cơ chiếu sáng, máy bơm, các thiết bị nhiệt và thông gió; (d) tối ưu hóa các hệ thống công nghiệp để tiết giảm sử dụng năng lượng; (e) tiết kiệm năng lượng trong tòa nhà (các tòa nhà dân cư, thương mại và công cộng), bao gồm chiếu sáng, HVAC (sưởi, thông gió và điều hòa nhiệt độ); bề mặt ngoài tòa nhà (cách nhiệt cho mái, tường, cửa sổ, cửa chính), năng lượng tái tạo trong tòa nhà (pin năng lượng mặt trời trên mái nhà, bình nước nóng năng lượng mặt trời và máy bơm nhiệt); và (f) các dự án khác được Ngân hàng chấp thuận.

Đầu tư các tiểu dự án được giới hạn ở cải tạo và khôi phục (điều chỉnh, thay thế) các thành phần và hệ thống hiện có với mục tiêu đạt được hiệu quả năng lượng cao hơn. Các tiểu dự án cần chứng minh yêu cầu tiết kiệm năng lượng tối thiểu là hai mươi (20%) phần trăm. Tuy nhiên, tỷ lệ tiết kiệm năng lượng thấp hơn cũng có thể được chấp nhận đối với một số lĩnh vực cụ thể với công nghệ năng lượng hiện đại.

Lợi ích dòng tiền chi phát sinh chỉ từ tiết kiệm năng lượng liên quan tới tiểu dự án đó, như được ước tính sử dụng các kế hoạch tài chính của tiểu dự án do doanh nghiệp vay vốn lập và được các PFIs xem xét, phải đủ để chi trả toàn bộ chi phí đầu tư của tiểu dự án trong thời hạn mười (10) năm. Tỷ lệ nội hoàn kinh tế phải lớn hơn mười phần trăm (10%).

Tính hợp lệ về xã hội và môi trường của tiểu dự án

Doanh nghiệp vay vốn đã nhận được tất cả các phê duyệt về môi trường theo yêu cầu từ các cơ quan quản lý môi trường địa phương, cấp tỉnh hoặc nhà nước và phải nộp cho PFI bản sao của tất cả các tài liệu phê duyệt cần thiết đó.

Các tiểu dự án phải được xem xét về an toàn và tuân thủ các yêu cầu về môi trường và xã hội. Quy trình và thủ tục sàng lọc và thực hiện về an toàn phải phù hợp với các khung an toàn được phê duyệt.

3.6 Khung kết quả của Dự án

Tên dự án: Tiết kiệm năng lượng cho các ngành công nghiệp Việt Nam (VEEIE) (P151086)							
Khung kết quả							
Mục tiêu phát triển của dự án – PDO							
Diễn giải PDO							
PDO là nâng cao tiết kiệm năng lượng trong ngành công nghiệp Việt Nam.							
Các kết quả này tại				Cấp dự án			
Chỉ số mục tiêu phát triển dự án							
		Giá trị mục tiêu lũy kế					
Tên chỉ số	Cơ sở	NĂM 1	NĂM 2	NĂM 3	NĂM 4	NĂM 5	Mục tiêu cuối
Lượng năng lượng tiết kiệm được trong vòng đời dự án (MWh/năm) – chỉ số chính	0	301,000	1,506,000	3,313,500	5,121,000	6,025,000	6,025,000
Số IEs áp dụng các công nghệ TKNL cải tiến	0	2	4	8	15	25	25
Các chỉ số kết quả trung gian							
		Giá trị mục tiêu lũy kế					
Tên chỉ số	Cơ sở	NĂM 1	NĂM 2	NĂM 3	NĂM 4	NĂM 5	Mục tiêu cuối
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp của dự án (số người) (Chỉ số chính) ¹	0	1,891	9,456	20,802	32,148	37,822	37,822
Tỷ lệ người hưởng lợi là phụ nữ (phần trăm) (chỉ số phụ: bổ sung)	0	8	10	15	15	15	15
Lượng phát thải khí nhà kính GHG tránh được hàng năm trong các doanh nghiệp (tấn CO ₂ quy đổi) (tấn/năm)	0	241,500	1,208,500	2,659,000	4,109,500	4,835,000	4,835,000
Số dự án TKNL khả thi được phát triển	0	10	20	40	50	60	60

¹ Số liệu sẽ dựa vào đánh giá và sẽ cung cấp trước khi đàm phán.

4. Các Ngân hàng tham gia (PFIs)

Các PFIs chỉ được nhận khoản vay từ IBRD để cho các dự án TKNL vay lại nếu các dự án đó đáp ứng các yêu cầu về cho vay lại. Các PFIs được lựa chọn để tham gia vào Dự án VEEIE trong giai đoạn đầu bao gồm:

- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV);

Các PFIs này phải đáp ứng các tiêu chí tối thiểu để tham gia, như được liệt kê dưới đây, trong toàn bộ tuổi thọ dự án. Hàng năm, MOIT/MOF/SBV và WB sẽ giám sát kết quả hoạt động của các PFIs theo Tiêu chí tối thiểu này trong quá trình thực hiện dự án.

Tiêu chí tối thiểu để tiếp tục tham gia

1	Kinh nghiệm cấp vốn cho các dự án TKNL
	PFI chứng minh kinh nghiệm đã cấp vốn cho các dự án TKNL bằng cách nêu rõ số lượng và tên các dự án đã cấp vốn.
2	Chiến lược cấp vốn và danh mục các dự án TKNL tiềm năng
	Chiến lược của tổ chức tài chính tham gia phải gồm cả chiến lược cấp vốn cho các dự án TKNL. Ngân hàng phải chứng minh một danh mục các dự án TKNL tiềm năng, tổ chức tài chính tham gia chỉ có thể được lựa chọn chính thức và ký Hiệp định Dự án với Ngân hàng Thế giới nếu sẵn có các tiêu dự án TKNL sẵn sàng vay vốn.
3	Vốn điều lệ tối thiểu
	Ngân hàng phải có vốn điều lệ tối thiểu là 2.000 tỷ đồng
4	Số lượng chi nhánh tối thiểu
	Ngân hàng phải có ít nhất 30 chi nhánh (bậc 1) hoạt động trên các địa bàn tại Việt Nam
5	Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế (IFRS)
	Ngân hàng chính tham gia phải có báo cáo tài chính đầy đủ được kiểm toán do một trong các công ty kiểm toán quốc tế lớn kiểm toán trong vòng 2 năm gần nhất, năm 2014 và 2015. Báo cáo kiểm toán này phải được thực hiện theo đúng chuẩn mực kế toán quốc tế. Tất cả các PFIs phải cam kết nộp báo cáo tài chính theo IFRS vào thời điểm vốn vay có hiệu lực và ký kết Hiệp định vay (hoặc Hiệp định dự án). Nếu PFI không thể nộp báo cáo tài chính đúng thời hạn sau khi tham gia dự án, họ phải nộp báo cáo tài chính được Ngân hàng thế giới chấp nhận trước khi nhận vốn vay từ Dự án.
6	Tuân thủ tất cả các quy định của Ngân hàng Nhà nước
	Tổ chức tài chính tham gia phải được NHNN cấp giấy phép hoạt động và phải tuân thủ các quy định của luật ngân hàng và các quy định của NHNN.
7	Quản trị doanh nghiệp
	Tổ chức tài chính tham gia phải có một cơ cấu quản lý phân chia rõ trách nhiệm giữa Ban giám sát và Ban Quản lý. Cơ chế tổ chức và hoạt động của Ngân hàng phải tuân thủ hoàn toàn các quy định trong Nghị định 59/2009/NĐ-CP (và các văn bản sửa đổi bổ sung ban hành kèm theo Nghị định này nếu có)
8	Dự phòng và phân loại nợ
	Ngân hàng phải tuân thủ các quy định trong Quyết định 493 và các văn bản sửa đổi bổ sung (Thông tư 02) của Ngân hàng Nhà nước về phân loại nợ, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng (và các văn bản sửa đổi bổ sung ban hành kèm theo Quyết định này nếu có)
9	Mức độ tối đa của các khoản nợ xấu
	Tổng các khoản nợ xấu được xác định là tổng các khoản cho vay quá hạn 90 ngày phải ít hơn 7% tổng dư nợ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước.
10	Mức dự phòng tối thiểu
	Tổ chức tài chính tham gia phải có đủ khoản dự phòng rủi ro để bù đắp cho các khoản nợ xấu theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước.
	Vốn tự có

11	Ngân hàng phải duy trì tỷ lệ giữa vốn tự có với tổng tài sản Có rủi ro không ít hơn 9%, phù hợp với các quy định trong Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 và trong các văn bản bổ sung.
	Tài sản lưu động
12	Ngân hàng phải có tài sản lưu động lớn hơn 15% nợ thanh khoản như quy định trong Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 và trong các văn bản bổ sung.
	Khả năng thanh toán
13	Tổng các khoản cho vay không được vượt quá [80%] tổng các nguồn vốn huy động.
	Khả năng sinh lời
14	Ngân hàng phải có tỷ suất lợi nhuận trên vốn (ROE) ít nhất là 10% trong năm 2015 và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) phải lớn hơn 0,5%.

Nếu trong quá trình thực hiện VEEIE, một PFI nào đó không đáp ứng được Tiêu chí tối thiểu này, đơn vị đó sẽ không còn hợp lệ để rút vốn từ hạn mức tín dụng của dự án. Những tiêu dự án đã được PFI đó cấp vốn thì sẽ tiếp tục được cấp vốn từ VEEIE, nhưng sẽ không có thêm dự án mới nào được hợp lệ để tài trợ từ dự án nữa cho tới khi PFI đó đáp ứng lại được tất cả Tiêu chí tối thiểu này.

Nếu một PFI không đáp ứng tất cả các tiêu chí ở một thời điểm nào đó trong quá trình thực hiện dự án, thì sau đó ngân hàng đó vẫn có thể tham gia vào TA của VEEIE nếu đơn vị này chấp thuận một kế hoạch hành động có giới hạn thời gian, hoặc Kế hoạch phát triển thể chế (IDP), để lại có thể đáp ứng các mức chuẩn đã đề ra. Từng PFI sẽ có một IDP riêng do mỗi PFI có một chiến lược, điểm mạnh, điểm yếu riêng. IDP sẽ được lập đáp ứng yêu cầu và phải được MOF, MOIT, và WB phê duyệt để đảm bảo đạt được tiến bộ. Nếu PFI đó không đạt được các tiêu chí hợp lệ trong vòng một năm kể từ khi thực hiện IDP, PFI đó sẽ bị đình chỉ tham gia dự án.

Từng PFI sẽ ký SLA với MOF. SLA bao gồm các yêu cầu về cho vay lại và theo các SLA đó, có thể cho vay lại khoản vay cho các dự án EE được phê duyệt trong dự án VEEIE. Trong quá trình thực hiện, tùy thuộc vào nhu cầu, MOIT cùng phối hợp với MOF, SBV và các cơ quan liên quan (nếu có) thực hiện việc lựa chọn bổ sung ngân hàng tham gia theo trình tự, thủ tục được thống nhất khi thiết kế dự án và theo các quy định hiện hành, từ đó quyết định bổ sung các PFIs tham gia vào dự án VEEIE.

Phần A. Phê duyệt hồ sơ xin vay lại

5. Điều khoản cho vay lại

PFI là đơn vị cho vay lại các tiểu dự án TKNL hợp lệ từ hạn mức tín dụng dự án VEEIE. PFI cũng sẽ cam kết các nguồn tiền của mình cho mỗi tiểu dự án, tuy nhiên khi triển khai dự án và trong quá trình giải ngân, không yêu cầu các ngân hàng thương mại tham gia phải đảm bảo đúng tỉ lệ (khoảng 20% tổng vốn vay) cho từng tiểu dự án. Thay vào đó, các ngân hàng thương mại sẽ chỉ phải đảm bảo tỉ lệ vốn đối ứng, dự kiến khoảng 20% tổng vốn vay cho tổng số các tiểu dự án mà ngân hàng thực hiện cho vay. Giá trị cho vay lại từ hạn mức tín dụng đối với một dự án TKNL hợp lệ của IE được vay tối đa là 80%. Đóng góp từ nguồn vốn của PFI đối với từng tiểu dự án được khuyến khích và linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thực tế chứ không bắt buộc. Điều khoản MOF cho vay lại các PFI bao gồm:

- Đồng tiền vay: Khoản cho vay lại sẽ bằng USD trong đó trị giá khoản vay gốc được cung cấp cho PFI theo SLA.
- Thời gian vay lại: Thời gian vay trong SLA là 10 năm kể từ khi VEEIE có hiệu lực. Thời gian ân hạn là 5 năm kể từ khi VEEIE có hiệu lực.
- Trả nợ: PFI có trách nhiệm trả nợ khoản vay theo kế hoạch nêu trong SLA. Trả nợ khoản gốc sẽ bắt đầu sau 5 năm VEEIE có hiệu lực.
- Lãi suất. Lãi suất từ MOF xuống các PFI sẽ dựa vào Libor 6 tháng cộng với phí thu xếp vốn và phí cam kết, và phí quản lý phải trả cho MOF là 0,25% theo Nghị định 78/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay của nước ngoài.
- Điều kiện: SLA sẽ bao gồm một điều kiện là quyền của PFI trong việc sử dụng khoản vay sẽ bị đình chỉ nếu PFI không thực hiện được các nghĩa vụ quy định trong SLA hoặc tiếp tục theo các yêu cầu về pháp lý và quy định áp dụng cho các hoạt động của mình.

Mỗi PFI cam kết được phân bổ một phần khoản vay IBRD và giải ngân sẽ tuân thủ “phương pháp tạm ứng” hoặc “phương pháp hoàn trả”. Chi tiết và hướng dẫn các phương pháp giải ngân được trình bày trong mục 9.

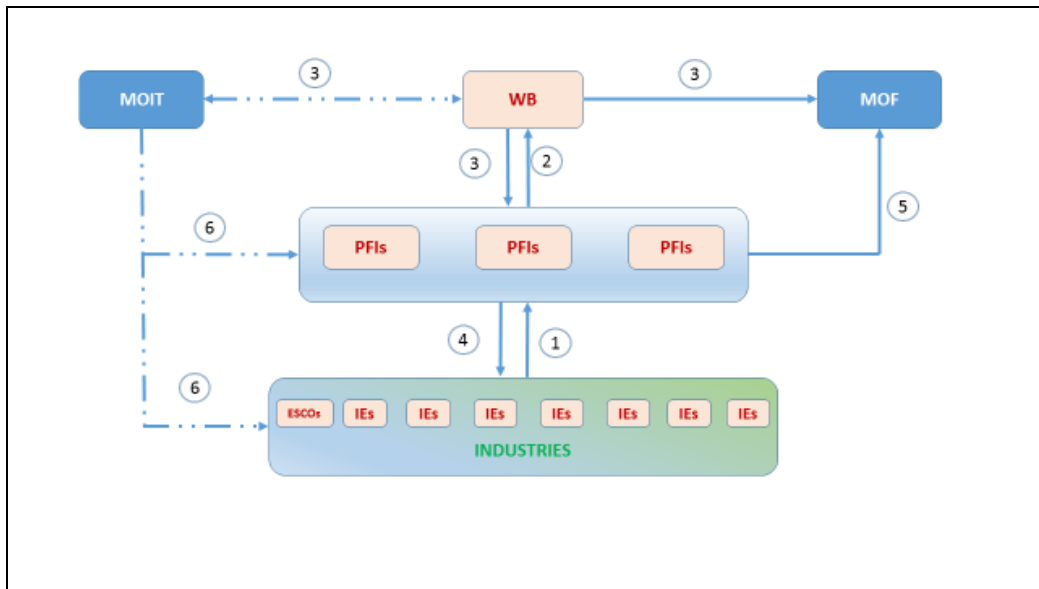
PFI sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn trả toàn bộ tiền gốc và lãi của khoản vay cho MOF và phải chịu tất cả các rủi ro tài chính và tín dụng và rủi ro hối đoái (nếu có). PFI phải giám sát và kiểm soát các IE và các tiểu dự án của họ để đảm bảo hoàn trả khoản vay theo các điều khoản đã thỏa thuận. Hợp đồng vay lại giữa PFI và IE sẽ quy định báo cáo các thông tin theo định kỳ và kịp thời là một điều kiện đi kèm khoản vay. PFI sẽ dùng các báo cáo đó để hỗ trợ quản lý dự nợ tín dụng của mình và đáp ứng các yêu cầu về báo cáo của PMB.

6. Quy trình rà soát hồ sơ xin vay lại

PFI sẽ lập Kế hoạch tài chính cho từng năm và trình lên WB/MOIT/MOF không muộn hơn ngày 15 tháng Giêng, trong đó bao gồm danh mục các tiểu dự án TKNL, tổng mức đầu tư, giá trị vốn vay trong đó tài trợ từ IBRD là bao nhiêu và IE tự tài trợ là bao nhiêu. WB sẽ rà soát cho toàn bộ 3 tiểu dự án đầu tiên của mỗi PFI bất kể quy mô dự án. Tuy nhiên, nếu các tiểu dự án được lập có chất lượng tốt và các PFI chứng minh có đủ năng lực thẩm định về kỹ thuật và tài chính, thì sẽ áp dụng kiểm tra sau đối với các tiểu dự án có tổng mức đầu tư dưới 500.000 (năm trăm nghìn) US\$. Tất cả các tiểu dự án khác có tổng mức đầu tư trên 500.000 nghìn US\$ sẽ phải tuân theo thủ tục kiểm tra trước.

6.1 Thủ tục kiểm tra trước

Dưới đây là mô tả chi tiết từng bước. Tất cả các tài liệu, tôi đã ở mức có thể, sẽ ở dưới dạng file điện tử (soft copies) bao gồm cả bản scan trang có chữ ký. Tài liệu in (hard copies) chỉ được sử dụng trong trường hợp cần thiết và nếu thấy thuận tiện.



Bước 1. IEs sẽ tiến hành sàng lọc theo các tiêu chí hợp lệ để tham gia vào VEEIE, tiêu chí hợp lệ bao gồm các tiêu chí về kỹ thuật, xã hội và môi trường. Nếu các tiêu chí hợp lệ được đáp ứng, IEs sẽ lập và trình hồ sơ xin vay lên các PFIs. Ngoài các yêu cầu chuẩn sử dụng trong tập quán thương mại, hồ sơ xin vay sẽ bao gồm nghiên cứu khả thi, thiết kế kỹ thuật, tính toán năng lượng tiết kiệm được (và kiểm toán năng lượng nếu cần), kế hoạch đấu thầu, phân tích kinh tế và tài chính, các tài liệu an toàn môi trường và xã hội (nếu có yêu cầu). Bảng biểu cho công tác sàng lọc được trình bày trong Phụ lục 1.

Thiết kế kỹ thuật và tính toán tiết kiệm năng lượng cần phải được lập bởi các đơn vị tư vấn đạt yêu cầu được cơ quan có thẩm quyền của chính phủ cấp phép. Dự án có thể yêu cầu một công ty tư vấn độc lập thẩm tra thiết kế dự án và tính toán tiết kiệm năng lượng của tiểu dự án.

Bước 2. PFIs có thể nhận được khoản vay lại cho các tiểu dự án TKNL nếu các dự án này đáp ứng các yêu cầu đối với cho vay lại (xem Chương 08 Hồ sơ cho vay lại). Khoản cho vay lại được giới hạn tối đa 80% tổng mức đầu tư. Nếu một dự án đáp ứng tất cả các yêu cầu đối với cho vay lại thì PFI đó có thể lập một bộ Hồ sơ xin vay lại bao gồm Yêu cầu vay lại (thư mẫu), Tóm tắt Hồ sơ xin vay lại và tất cả các tài liệu đi kèm cần thiết cho công tác rà soát. Hồ sơ xin vay lại có thể được đệ trình dưới dạng file điện tử lưu trong CD hoặc DVD.

Nếu dự án đã trình hồ sơ xin vay lại đáp ứng tất cả các yêu cầu đối với cho vay lại thì PFI sẽ trình hồ sơ hoàn chỉnh (dạng file điện tử càng nhiều càng tốt) lên WB để xin Không phản đối. Hồ sơ hoàn chỉnh bao gồm: (i) Yêu cầu thư không phản đối của PFI gửi lên WB; (ii) Hồ sơ xin vay lại; và (iii) Danh mục kiểm tra các yêu cầu đối với cho vay lại của PFI.

Bước 3. WB sẽ rà soát kỹ lưỡng các hồ sơ xin vay lại được đệ trình để xin Không phản đối. Có 3 khả năng sau:

1. WB sẽ phát hành thư Không phản đối;
2. WB sẽ phát hành thư Không phản đối có điều kiện;
3. WB sẽ thông báo với các PFIs là WB không thể phát hành thư Không phản đối và sẽ nêu rõ lý do tại sao

Đối với khả năng 2, PFI phải đảm bảo rằng các điều kiện để được Không phản đối phải

được đáp ứng trước khi phê duyệt hồ sơ xin vay lại. Đối với khả năng 3, PFI sẽ đánh giá xem cần phải làm gì để giải quyết những lo ngại của WB. Nếu những vấn đề đó có thể giải quyết được thì trình hồ sơ chỉnh sửa lên WB xem xét. Còn nếu không thì PFI sẽ thông báo cho IEs biết.

WB cam kết rà soát hồ sơ xin vay lại do PFIs trình lên trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận.

Trong trường hợp WB phát hành NOL để tài trợ cho tiểu dự án TKNL thì MOF và MOIT cũng sẽ đồng thời được thông báo để biết và thực hiện/giám sát khoản vay.

Bước 4. Nếu nhận được NOL từ WB, PFIs thông báo cho IE biết là tiểu dự án TKNL nhận được phê duyệt cho vay lại từ VEEIE và IEs sẽ thực hiện khoản vay TKNL theo hiệp định vay vốn và các yêu cầu của VEEIE. Nếu PFI nhận được NOL có điều kiện thì PFI phải đảm bảo rằng IE sẽ hoàn thành các điều kiện trong NOL trước khi phê duyệt hồ sơ xin vay lại.

Bước 5. Nếu hồ sơ xin vay nhận được phê duyệt và có được NOL từ WB thì PFI có thể giải ngân khoản vay từ tài khoản chỉ định. Hướng dẫn chi tiết, quy trình và thủ tục giải ngân được trình bày trong Phần B – Thực hiện khoản vay.

Bước 6. Trong quá trình thực hiện dự án, MOIT sẽ giám sát việc thực hiện tất cả các tiểu dự án đã được phê duyệt và đảm bảo rằng IEs và PFIs thực hiện các dự án TKNL tuân theo các yêu cầu của VEEIE.

6.2 Thủ tục kiểm tra sau

Nếu tổng mức đầu tư của tiểu dự án TKNL đệ trình xin vay lại trong VEEIE bằng hoặc dưới 500 nghìn US\$, tiểu dự án đó sẽ được kiểm tra sau. Tiểu dự án sẽ được sàng lọc và thẩm định bởi các PFI và không cần chuyển lên Ngân hàng Thế giới để xin Không phản đối. Nếu tiểu dự án TKNL đáp ứng tất cả các điều kiện, PFI có thể giải ngân khoản vay cho tiểu dự án và giám sát việc thực hiện tiểu dự án đó theo OM này.

MOIT và Ngân hàng Thế giới sẽ tiến hành thủ tục kiểm tra sau, hai mươi phần trăm (20%) tổng số tiểu dự án có tổng mức đầu tư bằng hoặc dưới 500 nghìn US\$ sẽ được kiểm tra để xác nhận rằng tất cả các yêu cầu đều được đáp ứng và việc thực hiện ước tính năng lượng tiết kiệm được là chính xác. Nếu một tiểu dự án về cơ bản không đáp ứng được các yêu cầu đó, khoản tiền đã giải ngân phải trả lại cho tài khoản chỉ định IBRD.

7. Yêu cầu đối với cho vay lại

IE và PFI cần đảm bảo rằng dự án xin vay lại đáp ứng tất cả các yêu cầu và cần cung cấp các tài liệu để chứng minh sự tuân thủ. Các yêu cầu phải đáp ứng bao gồm:

1. IE phải hợp lệ;
2. Dự án TKNL phải hợp lệ;
3. Các chi tiêu phải được diễn ra sau ngày 15 tháng 07 năm 2016;
4. Điều khoản vay đối với các IE phải đáp ứng các yêu cầu của VEEIE;
5. Mua sắm đấu thầu tuân thủ hoặc đã tuân thủ các yêu cầu về mua sắm đấu thầu nêu

- trong OM này;
6. Dự án phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật;
 7. Dự án phải phù hợp với Khung bảo vệ môi trường;
 8. Dự án phải phù hợp với Khung chính sách tái định cư;
 9. Dự án phải phù hợp với Khung chính sách phát triển dân tộc ít người;
 10. Dự án phải đáp ứng các tiêu chí kinh tế đề ra trong OM này.

7.1 Doanh nghiệp vay vốn hợp lệ

Các IE nhà nước và tư nhân đều hợp lệ tham gia vào dự án miễn là các doanh nghiệp này không có sở hữu chéo với PFI mà họ đăng ký xin vay lại. Dự án nhằm mục đích hỗ trợ các IEs có tiềm năng tiết kiệm năng lượng lớn. Tất cả các IEs đều có thể tham gia bất kể ở cấp độ quy mô nào.

ESCOs (bao gồm cả các công ty cho thuê), là các công ty cung cấp nhiều loại dịch vụ để thực hiện các dự án TKNL thông qua các hợp đồng dựa trên năng lực thực hiện, theo đó người sử dụng cuối thanh toán cho các dịch vụ từ tiết kiệm năng lượng được chứng minh, cũng sẽ hợp lệ để tham gia vào VEEIE.

Chỉ cho vay lại khoản vay cho các dự án TKNL dành cho các IEs/ESCOs. Một IE/ESCO được gọi là hợp lệ nếu:

- IE/ESCO đó đã đăng ký và hoạt động theo quy định và pháp luật có liên quan của Việt Nam; và nếu
- IE đáp ứng các yêu cầu của PFI theo thực tiễn thương mại bình thường đối với loại khoản vay tương tự.

7.2 Các tiêu dự án tiết kiệm năng lượng hợp lệ

Các loại tiêu dự án TKNL chính hợp lệ được tài trợ trong dự án này bao gồm: (a) thay thế các công nghệ công nghiệp kém hiệu quả bằng các công nghệ tiết kiệm năng lượng như nồi hơi công nghiệp, lò nung và các hệ thống trao đổi nhiệt hiệu suất cao; (b) thu hồi và tận dụng khí phụ phẩm, nhiệt thải và áp suất; (c) lắp đặt các thiết bị điện và cơ khí hiệu suất cao, bao gồm các động cơ chiếu sáng, máy bơm, các thiết bị nhiệt và thông gió; (d) tối ưu hóa các hệ thống công nghiệp để tiết giảm sử dụng năng lượng; (e) tiết kiệm năng lượng trong tòa nhà (các tòa nhà dân cư, thương mại và công cộng), bao gồm chiếu sáng, HVAC (sưởi, thông gió và điều hòa nhiệt độ); bề mặt ngoài tòa nhà (cách nhiệt cho mái, tường, cửa sổ, cửa chính), năng lượng tái tạo trong tòa nhà (pin năng lượng mặt trời trên mái nhà, bình nước nóng năng lượng mặt trời và máy bơm nhiệt); và (f) các dự án khác được Ngân hàng chấp thuận.

Đầu tư các tiêu dự án được giới hạn ở cải tạo và khôi phục (điều chỉnh, thay thế) các thành phần và hệ thống hiện có với mục tiêu đạt được hiệu quả năng lượng cao hơn. Các tiêu dự án cần chứng minh yêu cầu tiết kiệm năng lượng tối thiểu là hai mươi (20%) phần trăm. Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng thấp hơn cũng có thể được chấp nhận đối với một số lĩnh vực cụ thể với công nghệ năng lượng hiện đại.

$$Es = (Eb - Ea) / Eb * 100\%$$

Es – năng lượng tiết kiệm được, %

Eb – tiêu thụ năng lượng trước khi thực hiện tiêu dự án, (kWh, kJ, TOE)

Ea – tiêu thụ năng lượng sau khi thực hiện tiêu dự án, (kWh, kJ, TOE)

Phụ lục 2 trình bày một số ví dụ về các tiêu dự án TKNL có thể tạo ra tiết kiệm năng lượng.

Lợi ích dòng tiền chi phát sinh chi từ tiết kiệm năng lượng liên quan tới tiêu dự án đó, như được ước tính sử dụng các kế hoạch tài chính của tiêu dự án do doanh nghiệp vay vốn lập và được các PFIs xem xét, phải đủ để chi trả toàn bộ chi phí đầu tư của tiêu dự án trong thời hạn mười (10) năm. Tỷ lệ nội hoàn kinh tế phải lớn hơn mười phần trăm (10%). Hướng dẫn chi tiết hơn về phân tích kinh tế và tài chính được trình bày trong phụ lục 2.

7.3 Tài trợ hồi tố

Các tiêu dự án TKNL đã có hợp đồng vay vốn được ký kết giữa IE và PFI hợp lệ để được vay lại nếu hợp đồng vay vốn giữa PFI đó và doanh nghiệp công nghiệp được ký sau ngày 15 tháng 7 năm 2016. Tổng giá trị hồi tố không được vượt quá 20% tổng giá trị khoản vay IBRD.

7.4 Điều khoản trong Hợp đồng vay giữa Doanh nghiệp vay vốn và Tổ chức tài chính tham gia.

- Điều khoản và Thời hạn vay

Một trong những mục tiêu chính của VEEIE là chuyên trách nhiệm cấp vốn thương mại và quyết định tín dụng từ chính phủ sang khu vực tư nhân, với sự tham gia hạn chế của MoIT và MOF vào việc xác định lãi suất vay. Những điều khoản và điều kiện vay cần được PFIs và doanh nghiệp vay vốn thương thảo theo như thực tiễn thương mại khi cho thành phần tư nhân vay. Khoản vay từ MOF xuống các PFIs có thời hạn 10 năm và đồng tiền vay bằng đô la Mỹ. Khoản vay từ PFIs xuống doanh nghiệp vay vốn cuối cùng có thể bằng đồng Việt Nam hoặc đô la Mỹ theo quy định của chính phủ, thời hạn vay do PFI và doanh nghiệp vay vốn cuối cùng thỏa thuận tùy thuộc vào loại dự án TKNL nhưng không được vượt quá 10 năm.

- Các yêu cầu khác

Các dự án TKNL hợp lệ để được cho vay lại nếu hợp đồng vay giữa IEs/ESCOs và PFIs bao gồm những điều khoản sau:

- Yêu cầu các IEs thực hiện và vận hành tiêu dự án theo RP, EP và EMP đã được phê duyệt bao gồm trách nhiệm đối với nhà thầu trong việc đáp ứng các yêu cầu của EMP;
- Yêu cầu các IEs cung cấp cho PFIs các thông tin cập nhật theo định kỳ hàng quý chi tiết về tiêu dự án;
- Tạo điều kiện cho PFI có được quyền từ IEs thông qua hình thức pháp lý phù hợp, bảo vệ lợi ích riêng của mình và của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng như của IBRD;
- Yêu cầu IEs vận hành và quản lý dự án TKNL theo tiêu chuẩn kỹ thuật, tài chính và quản lý được chấp thuận;
- Yêu cầu tất cả các hàng hóa, xây lắp và các dịch vụ khác được tài trợ từ khoản vay lại được mua sắm đấu thầu theo các yêu cầu nêu trong OM;
- Trao cho PFI quyền tự tiến hành hoặc cùng với MOIT và IBRD kiểm tra về các hàng hóa và hiện trường và các hồ sơ và thông tin hỗ trợ liên quan;

- Hợp đồng vay có bao gồm một điều khoản đình chỉ hoặc chấm dứt quyền của IE sử dụng khoản vay trong hợp đồng vay đó nếu dự án không tuân thủ các nghĩa vụ đề ra trong hợp đồng vay.

7.5 Mua sắm đấu thầu

Các dự án TKNL được vay lại nếu việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ và xây lắp tuân thủ quy trình mua sắm đấu thầu quy định trong Tài liệu thẩm định dự án (PAD) VEEIE và Hiệp định vay giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thế giới.

Đối với các hợp đồng được tài trợ toàn bộ hoặc một phần từ vốn vay của IBRD hay từ nguồn tín dụng IDA, các thủ tục mua sắm đấu thầu sẽ được thực hiện theo: Hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới: Đấu thầu mua sắm hàng hoá, công trình, và dịch vụ phi tư vấn trong các khoản vay của IBRD và tín dụng & tài trợ không hoàn lại của IDA cho các bên vay vốn của Ngân hàng Thế giới bản tháng 1 năm 2011, sửa đổi tháng 7 năm 2014 (Hướng dẫn Mua sắm đấu thầu); Các Hướng dẫn tuyển chọn và thuê tư vấn trong khoản vay của IBRD và tín dụng & tài trợ không hoàn lại của IDA cho các bên vay vốn của Ngân hàng Thế giới ngày tháng 1 năm 2011, sửa đổi tháng 7 năm 2014 (Hướng dẫn Tư vấn); và các điều khoản quy định trong Hiệp định Tài trợ. Đối với hợp đồng đấu thầu theo phương thức Đấu thầu cạnh tranh trong nước (NCB), quy định bổ sung đính kèm trong Phụ lục 2 của Hiệp định Tài trợ sẽ được áp dụng.

Ngưỡng đấu thầu và xét duyệt trước của Ngân hàng. Mua sắm đấu thầu thuộc Hợp phần 2 sẽ gồm các hạng mục sau: Hàng hóa, Dịch vụ tư vấn và Xây lắp mà chưa dự kiến được ở giai đoạn chuẩn bị dự án. Ngưỡng đối với các phương thức đấu thầu và Ngân hàng xét duyệt trước thuộc Hợp phần này được trình bày dưới đây. Ngưỡng đấu thầu và yêu cầu xét duyệt trước này có thể thay đổi trong quá trình thực hiện dự án theo phê duyệt của Ngân hàng.

Table 4.1. Ngưỡng đối với các Phương thức đấu thầu và Ngân hàng xét duyệt trước

Hạng mục	Ngưỡng phương thức đấu thầu		Ngưỡng xét duyệt trước	
	Giá trị (USD)	Ghi chú		Ghi chú
Xây lắp/ Cung cấp & Lắp đặt				
ICB	>= \$20 triệu		Tất cả các hợp đồng	Tất cả các hợp đồng dưới 15 triệu USD nhưng áp dụng đấu thầu cạnh tranh quốc tế được xem xét sau.
NCB	< \$20 triệu		1 hợp đồng đầu tiên cộng với tất cả các hợp đồng trên 15 triệu USD.	
Mua sắm	< \$0,2 triệu		Không	
Hàng hóa, hệ thống công nghệ thông tin, dịch vụ phi tư vấn				
ICB	>=\$3 triệu		Tất cả các hợp đồng	Các hợp đồng dưới 3 triệu USD nhưng áp dụng đấu thầu cạnh tranh quốc tế có thể được xem xét sau.
NCB	< \$3 triệu	Nếu hàng hóa không sản có tại Việt Nam (như các thiết bị hay vật liệu điện), phương pháp đấu thầu	1 hợp đồng đầu tiên	

Hạng mục	Ngưỡng phương thức đấu thầu		Ngưỡng xét duyệt trước	
	Giá trị (USD)	Ghi chú		Ghi chú
		sẽ là đấu thầu cạnh tranh quốc tế ngay cả giá trị hợp đồng dưới ngưỡng quy định.		
Mua sắm	< \$0,1 triệu		Không	
Dịch vụ tư vấn				
CQS	< \$0,3 triệu	Các phương pháp khác (QCBS, QBS, FBS, LCS) sẽ áp dụng cho hợp đồng có giá trị tương đương hoặc trên 0,3 triệu USD và có thể áp dụng đối với các hợp đồng dưới 0,3 triệu USD.	<ul style="list-style-type: none"> • Công ty: ≥0,5 triệu USD (đối với lựa chọn cạnh tranh) cộng với hợp đồng đầu tiên đối với mỗi phương pháp mà không cần quan tâm tới giá trị hợp đồng. Đối với phương pháp SSS sẽ là 100 nghìn USD (Đoạn 3.9 Hướng dẫn tư vấn, tháng 01 năm 2011); • Cá nhân: chỉ trong các trường hợp ngoại lệ (đối với lựa chọn cạnh tranh); đối với phương pháp SSS, sẽ là 50 nghìn USD (Đoạn 5.6 Hướng dẫn tư vấn, tháng 01 năm 2011); • Phương pháp SSS sẽ được thể hiện trong các kế hoạch đấu thầu cùng với giải thích lý do áp dụng phương pháp này. 	<ul style="list-style-type: none"> • Đối với phương pháp tư vấn cá nhân, xét duyệt trước có thể được áp dụng đối với các hợp đồng dài hạn (trong thời hạn dự án) và có giá trị lớn (≥0,2 triệu USD). Đối với các tư vấn quản lý dự án quan trọng, chuyên gia đấu thầu hay chuyên gia về pháp luật, điều khoản tham chiếu và lý lịch của các ứng cử viên được lựa chọn sẽ được xem xét trước nhưng những xem xét trước này không được coi là xét duyệt trước việc tuyển chọn. • Các hợp đồng kiểm toán sẽ được đấu thầu như các hợp đồng khác và sẽ được xét duyệt trước chỉ khi giá trị hợp đồng vượt ngưỡng. Trưởng nhóm dự án/ chuyên gia quản lý tài chính có thể xét duyệt trước điều khoản tham chiếu, danh sách ngân từ góc độ kỹ thuật.

Ghi chú: Phương thức Hợp đồng trực tiếp cho xây lắp/ hàng hóa thường được xét duyệt trước ngoại trừ các hợp đồng có giá trị nhỏ (dưới 200 nghìn USD đối với xây lắp và 100 nghìn USD đối với hàng hoá). Kế hoạch đấu thầu cần nêu rõ hợp đồng ký trực tiếp hay phương pháp SSS với các luận cứ rõ ràng. Nếu các luận cứ hợp lý, các hợp đồng dưới ngưỡng có thể được xét duyệt sau.

Mua sắm đấu thầu trong Hợp phần đầu tư (Hợp phần 1) của dự án: sẽ được tiến hành theo đoạn 3.13 của Hướng dẫn đấu thầu của Ngân hàng. Các IEs sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động mua sắm đấu thầu trong khoản vay lại tương ứng của họ và thủ tục đấu thầu sẽ được tiến hành như sau:

- Nếu các IEs là doanh nghiệp nhà nước, thủ tục đấu thầu sẽ được thực hiện tương tự như Hợp phần 2 của dự án; và sẽ áp dụng bảng trên.
- Nếu các IEs là doanh nghiệp tư nhân, thì khuyến khích họ áp dụng các phương thức đấu thầu cạnh tranh công khai; tuy nhiên, họ có thể áp dụng các phương thức đấu thầu tư nhân đã được xây dựng hay các tập quán thương mại được Ngân hàng chấp nhận. Các IEs sẽ không được trao hợp đồng cho các công ty mẹ hay các công ty liên kết của họ hay cho các cổ đông kiểm soát hay cho các tổ chức hoặc doanh nghiệp nhà nước không hợp lệ. Phương thức hợp đồng trực tiếp chỉ có thể được áp dụng trong các trường hợp quy định trong đoạn 3.7 Hướng dẫn đấu thầu

của Ngân hàng. Ngân hàng sẽ xem xét kế hoạch đấu thầu, sẽ là một phần của Hồ sơ xin vay lại do mỗi doanh nghiệp công nghiệp lập nên. Các IEs có thể lựa chọn áp dụng phương thức đấu thầu cạnh tranh quốc tế nếu cần; và trong trường hợp này Ngân hàng sẽ xét duyệt hợp đồng trước nếu giá trị hợp đồng tương đương hoặc trên 20 triệu USD, các hợp đồng khác Ngân hàng sẽ được xét duyệt sau.

Khu vực tư nhân và/hoặc tập quán thương mại IEs sẽ sử dụng dự kiến bao gồm (i) mở thầu cạnh tranh thông qua một trình tự tương tự như quy định trong Luật Đấu thầu trong nước (thường được sử dụng cho các công trình lớn, hoặc phức tạp về kỹ thuật); (ii) đấu thầu hạn chế, và (iii) chào hàng cạnh tranh dựa trên so sánh 3 báo giá thấp nhất hoặc hợp đồng trực tiếp với nhà thầu đủ năng lực đối với các công trình nhỏ hoặc chuyên sâu về kỹ thuật mà do tính chất kỹ thuật của các đơn vị này, doanh nghiệp công nghiệp phải thuê ngoài.

Giám sát đấu thầu và xét duyệt sau của Ngân hàng: Các hợp đồng Ngân hàng không xét duyệt trước thì sẽ được Ngân hàng xét duyệt sau. Hàng năm, Ngân hàng sẽ thực hiện xét duyệt sau các hoạt động đấu thầu với tỷ lệ lấy mẫu ban đầu là hai mươi phần trăm. Tỷ lệ này sẽ được điều chỉnh định kỳ trong quá trình thực hiện dự án dựa trên hiệu quả thực hiện của các cơ quan thực hiện dự án. Ngân hàng cũng sẽ thực hiện các chuyến giám sát về đấu thầu hai lần một năm. Ngoài việc Ngân hàng xem xét trước các hợp đồng, đánh giá năng lực của Ban QLDA và các doanh nghiệp công nghiệp đã đề xuất cần giám sát hiện trường dự án hàng năm để thực hiện kiểm tra các hoạt động đấu thầu xét duyệt sau. Trên cơ sở hàng năm, Ban QLDA sẽ gửi cho Ngân hàng một danh sách các hợp đồng hàng hóa, công trình và dịch vụ tư vấn của cả dự án mà Ngân hàng xét duyệt sau, bao gồm nhưng không giới hạn: (i) số tham chiếu như đã nêu trong Kế hoạch đấu thầu và một mô tả tóm tắt hợp đồng; (ii) giá trị ước tính, (iii) phương thức đấu thầu; (iv) ngày trao hợp đồng; (v) tên nhà cung cấp, nhà thầu hoặc tư vấn được trao hợp đồng; và (vi) giá trị hợp đồng cuối cùng.

7.6 Đánh giá kỹ thuật đối với các tiểu dự án TKNL

Đánh giá tính hợp lệ đối với các hồ sơ xin vay lại của IE để tài trợ cho các tiểu dự án TKNL là trách nhiệm quan trọng của PFIs. Dự án của PFIs được phát triển dựa trên cơ sở là các tiểu dự án TKNL đề xuất là luận chứng về kinh tế nếu chúng khả thi về tài chính. Trách nhiệm của PFIs chỉ là xác nhận rằng các tiểu dự án được lựa chọn là khả thi về tài chính và kỹ thuật. Ngoài ra, PFI cần phải chứng minh rằng tất cả các tiêu chí hợp lệ và an toàn sẽ được IE thực hiện. Để hỗ trợ các PFIs và IEs đánh giá kỹ thuật cho dự án TKNL, Khung đánh giá kỹ thuật được trình bày trong phụ lục 2.

Khung đánh giá kỹ thuật này sẽ được các PFIs sử dụng để đánh giá từng tiểu dự án được xem xét để cho vay TKNL. Khung này xác định nội dung, trình tự và trách nhiệm thực hiện đánh giá kỹ thuật của các tiểu dự án để đảm bảo:

- dự án TKNL trong công nghiệp tuân thủ các quy định và chính sách về kỹ thuật và ngành của Việt Nam;
- dự án TKNL tòa nhà có tuân thủ hay vượt quá quy phạm xây dựng của Việt Nam;
- dự án đáp ứng đầy đủ các tiêu chí hợp lệ về kỹ thuật nêu trong mục 7.2; và
- dự án khả thi, an toàn và hiệu quả về mặt kỹ thuật, góp phần vào nâng cao TKNL và thực thi TKNL.

Quy trình và thủ tục đánh giá

IE tiềm năng tìm kiếm tài trợ cho các tiểu dự án TKNL phải trình Hồ sơ xin vay lại lên PFI. Ngoài các yêu cầu về thông tin thông thường của PFI trong hồ sơ xin vay lại, hồ sơ xin vay lại cho tiểu dự án TKNL sẽ cần những thông tin sau: (1) mô tả chung về phạm vi của tiểu dự án và doanh nghiệp vay vốn cuối cùng (2) mục tiêu và luận chứng về dự án, (3) tóm tắt đánh giá kỹ thuật của tiểu dự án, (4) dữ liệu tiêu thụ năng lượng đường cơ sở và năng lượng tiết kiệm được dự kiến của tiểu dự án, (5) đánh giá tác động môi trường, và trình trạng phê duyệt của chính phủ theo yêu cầu (nếu có), và (6) ước tính tổng mức đầu tư và kế hoạch tài chính.

PFI sẽ thực hiện rà soát ban đầu hồ sơ xin vay lại. Để rà soát hồ sơ xin vay lại dự án TKNL, Nhóm rà soát của PFI có thể bao gồm, ngoài những thành viên khác, một chuyên gia về TKNL chịu trách nhiệm soát xét chi tiết về mặt kỹ thuật và đo đạc và xác minh (M&V) năng lượng tiết kiệm được, và một chuyên gia về môi trường.

Cùng với các tài liệu khác mà PFI yêu cầu IE trình nộp tại thời điểm xin vay lại, kiến nghị rằng IE cần đệ trình bản sao chính thức của:

- Nghiên cứu khả thi của tiểu dự án,
- Phê duyệt của chính phủ đối với thực hiện dự án (nếu cần),
- Phê duyệt về môi trường của chính phủ, và
- Các tài liệu liên quan khác như báo cáo kiểm toán năng lượng đường cơ sở.

Nếu chưa có bản cuối cùng của nghiên cứu khả thi của tiểu dự án, IE có thể trình nộp một bản dự thảo được xây dựng hợp lý tại thời điểm xin vay lại. Tuy nhiên, IE cần cung cấp bản chính thức của nghiên cứu khả thi trước khi bắt đầu Thẩm định sơ bộ.

Nhóm dự án của PFI sẽ thực hiện rà soát ban đầu hồ sơ xin vay lại và thảo luận với IE để đánh giá xem tiểu dự án đó có tuân thủ các tiêu chí hợp lệ (xem mục 7.2) và đáp ứng các yêu cầu về chính sách và yêu cầu tín dụng của PFI không.

Nghiên cứu khả thi của tiểu dự án

IE chịu trách nhiệm lập báo cáo khả thi cho tiểu dự án để trình lên PFI. IE sẽ trình bản thảo hoặc bản chính thức của báo cáo khả thi cùng với hồ sơ xin vay vốn. IE sẽ trình bản cuối của báo cáo khả thi cùng với hồ sơ xin vay lại. IE phải trình bản cuối của báo cáo khả thi lên PFI trước hoặc trong giai đoạn Thẩm định sơ bộ.

Hồ sơ nghiên cứu khả thi tiểu dự án cần phải bao gồm (a) đánh giá tính khả thi về kỹ thuật của tiểu dự án, (b) kế hoạch thực hiện về kỹ thuật, (c) ước tính chi phí đầu tư và chi tiết chi phí, (d) nghiên cứu kiểm toán năng lượng đường cơ sở trước khi thực hiện tiểu dự án và dự kiến năng lượng tiết kiệm được, và (e) đánh giá tác động môi trường của tiểu dự án và các biện pháp giảm thiểu (nếu cần). Các thành phần này của nghiên cứu khả thi có thể dưới dạng một hoặc một số báo cáo; được thực hiện bởi một hoặc nhiều bên.

Kiểm toán năng lượng đường cơ sở và nghiên cứu khả thi phải được thực hiện bởi một kiểm toán năng lượng đáp ứng yêu cầu sử dụng các chuẩn mực kiểm toán chuyên ngành. IE phải nộp các thông tin về trình độ và chứng nhận của kiểm toán viên và chuẩn mực kiểm toán mà kiểm toán viên sử dụng.

- Đánh giá kỹ thuật tiểu dự án** – phân tích lý do và lợi ích của tiểu dự án; đánh giá việc cải tạo và khôi phục về kỹ thuật bao gồm đánh giá và so sánh các phương án thiết kế hệ thống, các phương án quy trình và công nghệ chính và các lựa chọn về thiết bị; độ tin cậy, hiệu quả và tính tương thích của thiết kế, công nghệ, quy trình, thiết bị và sản

phẩm của hệ thống mới với hệ thống hiện có; và các thay đổi dự kiến về yêu cầu kỹ thuật và các chỉ số (về công nghệ, quy trình, thiết bị, hệ thống, sản phẩm, công suất sản xuất) trước và sau dự án.

- b. **Kế hoạch thực hiện tiểu dự án** – kế hoạch thực hiện tiểu dự án và các bên khác nhau dự kiến tham gia vào thực hiện tiểu dự án; phân tích những hạn chế và thách thức đối với thực hiện và các biện pháp giảm thiểu được kiến nghị.
- c. **Chi phí đầu tư tiểu dự án** – phân tích các loại chi phí thiết bị, xây lắp và tư vấn liên quan tới tiểu dự án, và làm cơ sở cho dự toán chi phí; đánh giá tổng mức đầu tư, bao gồm lãi trong thời gian xây dựng và chi phí dự phòng.
- d. **Kiểm toán năng lượng đường cơ sở và năng lượng tiết kiệm được, nếu cần** – nghiên cứu và phân tích sử dụng năng lượng của doanh nghiệp hưởng lợi hoặc của bên liên quan, nhà máy hoặc khu vực của doanh nghiệp hưởng lợi nơi thực hiện tiểu dự án để thiết lập dữ liệu tiêu thụ năng lượng đường cơ sở. Dữ liệu đường cơ sở phải bao gồm các dữ liệu về tất cả các dạng năng lượng tiêu thụ trong thời gian một năm, tốt nhất là cho hai năm gần nhất. Ngoài khối lượng năng lượng tiêu thụ, chỉ tiêu bình quân trong thời gian đó cho mỗi dạng năng lượng cũng cần được tính toán. Tiêu thụ năng lượng cho tất cả các dạng năng lượng sau khi thực hiện dự án và các giả định làm căn cứ để ước tính cũng cần được nêu chi tiết.
- e. **Phương pháp đo đạc và xác minh** – đánh giá kế hoạch đo đạc và xác minh để đảm bảo phù hợp với phương pháp M&V được chấp nhận rộng rãi.

7.7 Khung bảo vệ môi trường

Các tiểu dự án hợp lệ được vay lại trong VEEIE phải đáp ứng các quy định của Việt Nam và chính sách an toàn của WB. Do các tiểu dự án không được xác định trước khi thẩm định nên trong giai đoạn chuẩn bị, Khung quản lý môi trường và xã hội (ESMF) đã được lập để hướng dẫn quy trình đánh giá môi trường cho tiểu dự án và đảm bảo sự tuân thủ các quy định của Việt Nam và chính sách an toàn của WB.

ESMF đề ra các quy trình bao gồm (i) cơ chế sàng lọc để loại trừ các dự án không hợp lệ, (ii) nhận diện các tác động môi trường và xã hội liên quan tới dự án TKNL và các biện pháp giảm thiểu; (iii) quy trình lập và phê duyệt/thông qua tài liệu EA theo quy định của Chính phủ và chính sách an toàn của Ngân hàng trong đó bao gồm soát xét chi tiết về môi trường và xã hội các thiết bị/IE hiện tại với tư cách là một phần của ESMF; (iii) giám sát, thu xếp thể chế và các nguồn tài chính để thực hiện ESMF và (iv) tham vấn cộng đồng và công bố thông tin theo chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới.

ESMF cũng trình bày chi tiết phương pháp tiến hành soát xét chi tiết môi trường và xã hội cho các nhà máy/thiết bị hiện có, các hướng dẫn được lập ngay từ giai đoạn đầu thực hiện dự án, trước khi sàng lọc các tiểu dự án đầu tiên.

ESMF cũng tham chiếu tới Hướng dẫn tạm thời về áp dụng các chính sách an toàn cho các hoạt động TA trong các dự án do Ngân hàng tài trợ và các hoạt động TA sẽ được sàng lọc theo Hướng dẫn tạm thời này.

ESMF đã được Ngân hàng thông qua và MOIT phê duyệt. ESMP là một tài liệu sống, có nghĩa là nó có thể được cập nhật trong quá trình thực hiện dự án nếu được Ngân hàng thông qua. ESMF được tích hợp trong Sổ tay Hướng dẫn hoạt động và phải được tuân thủ trong thực hiện dự án để đảm bảo các dự án đầu tư tuân thủ chính sách an toàn của Ngân hàng và các quy định về môi trường của Chính phủ. Chi tiết ESMF nằm trong văn bản được MOIT phê duyệt.

7.8 Khung chính sách tái định cư

Hầu hết các tiểu dự án đều nằm trong phạm vi hiện tại của nhà máy và không cần phải giải phóng thêm mặt bằng. Tuy nhiên, khung chính sách tái định cư (RPF) được lập để đảm bảo rằng việc thực hiện giải phóng mặt bằng và tái định cư cho các tiểu dự án đó sẽ tuân thủ các luật và quy định trong nước có liên quan và tuân thủ các chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới.

RPF đề ra các chính sách, nguyên tắc và trình tự phải được các dự án TKNL tiềm năng tuân thủ. RPF này sẽ được áp dụng cho các dự án và hoạt động TKNL có liên quan nếu các giai đoạn sau của thiết kế hoặc thực hiện dự án yêu cầu giải phóng mặt bằng bắt buộc dẫn tới phải di dời, thiệt hại về nhà ở, tài sản hoặc tiếp cận tài sản, hoặc mất nguồn thu nhập hoặc sinh kế hoặc các hạn chế bắt buộc khác trong việc tiếp cận đất hoặc các nguồn lực khác dẫn tới ảnh hưởng bất lợi về thu nhập, mức sống,... và an toàn về xã hội của người bị ảnh hưởng. Ngoài ra, tất cả các hoạt động không phải do Ngân hàng tài trợ mà theo đánh giá của Ngân hàng là (i) liên quan đáng kể và trực tiếp tới dự án do Ngân hàng hỗ trợ; (ii) cần thiết để đạt được các mục tiêu đặt ra trong văn kiện dự án; và (iii) được thực hiện, lập kế hoạch thực hiện đồng thời với dự án, đều là đối tượng có thể phải áp dụng RPF này.

Trong trường hợp tiểu dự án là một phần của các công trình hiện có mà có thể cần phải giải phóng mặt bằng hoặc tái định cư, và tài liệu liên quan về các vấn đề này có sẵn thì tiểu dự án cũng được coi là hợp lệ. Sau đó, chỉ yêu cầu soát xét chi tiết/kiểm toán các thiết bị hiện có để xem có bất kỳ vấn đề di sản xã hội nào không để xác định các hành động bổ sung để đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước và chính sách an toàn của WB.

Về cơ bản, chính sách và hướng dẫn chi tiết được trình bày trong RPF được MOIT phê duyệt.

Lập và Thông qua Kế hoạch tái định cư trong Thực hiện dự án

Trong giai đoạn chuẩn bị dự án, bên phát triển dự án, dựa vào các yêu cầu giải phóng mặt bằng, thực hiện sàng lọc sơ bộ để nhận diện các loại và cấp độ tác động. Khi đã xác định các tác động của giải phóng mặt bằng lên tới hoặc nhiều hơn 10% tư liệu sản xuất hoặc có bất kỳ tác động liên quan nào cần thiết để hoàn thành các hoạt động của dự án, cần phải tiến hành lập kế hoạch tái định cư. Phạm vi và cấp độ chi tiết của kế hoạch tái định cư thay đổi theo quy mô và độ phức tạp của tái định cư.

Trách nhiệm chung về lập và thực hiện RPs theo yêu cầu là của chủ đầu tư của từng tiểu dự án. Chủ đầu tư tiểu dự án phải thực hiện hoặc yêu cầu thực hiện điều tra kiểm đếm để xác định và liệt kê tất cả những người phải di dời, và khảo sát về kinh tế xã hội để xác định phạm vi và quy mô tác động tiêu cực tới khu vực bị ảnh hưởng. Đối tượng điều tra khảo sát phải gồm 100% người bị di dời; khảo sát kinh tế xã hội có thể được tiến hành trên cơ sở lấy mẫu.

Dựa vào kiểm kê chính xác đường cơ sở và khảo sát kinh tế xã hội, RP (kế hoạch tái định cư đầy đủ hoặc kế hoạch tái định cư rút gọn) sẽ được lập theo nguyên tắc chính sách và lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đề ra trong RPF (xem Phụ lục 1 về hướng dẫn lập RP đầy đủ và rút gọn), và thiết lập các biện pháp giảm thiểu phù hợp đối với tất cả các loại tác động tiêu cực. Mỗi RP sẽ bao gồm, ngoài các nội dung khác: mô tả tiểu dự án; đặc điểm dân cư và kinh tế xã hội đường cơ sở của DPs; chi tiết tác động đối với tài sản, sinh kế và thu nhập; tính hợp lệ; định giá và bồi thường thiệt hại; các biện pháp giảm thiểu đề xuất; lựa chọn địa điểm; chuẩn bị hiện trường và di dời khi cần; biện pháp phục hồi thu nhập; cơ chế giải quyết khiếu nại; kế hoạch thực hiện; và ước tính chi phí tái định cư.

Bản dự thảo RPs sẽ do IEs lập và được PFIs, PMBs xem xét và trình lên Ngân hàng Thế giới xem xét thông qua trước khi thẩm định tiểu dự án. Các hoạt động mô tả trong RPs sẽ chỉ được thực hiện sau khi Ngân hàng Thế giới thấy chấp nhận được các công cụ tái định cư tương ứng và cơ quan có thẩm quyền của chính phủ phê duyệt. Các hoạt động bồi thường, tái định cư và phục hồi sẽ được hoàn thành trước khi trao hợp đồng xây lắp của mỗi tiểu dự án. Tất cả các kế hoạch tái định cư phải được tham vấn công chúng và công bố theo yêu cầu trong chính sách của Ngân hàng Thế giới.

Tham vấn, Tham gia và Công bố

Đề khuyến khích sự tham gia tích cực vào dự án và thích nghi với hoàn cảnh sống thay đổi, những người bị di dời cần được tạo cơ hội tham gia vào quá trình lập kế hoạch và thực hiện. Tối thiểu là người bị di dời phải được tham vấn về những ưu tiên và lo ngại trong quá trình lập kế hoạch tái định cư. Tất cả những người bị di dời phải được thông báo về các tác động ảnh hưởng tiềm tàng và các biện pháp giảm thiểu đề xuất, bao gồm cả đơn giá bồi thường. Các hoạt động tham gia và tham vấn sẽ được thực hiện liên tục trong các giai đoạn thực hiện RPs khác nhau (như lập kế hoạch, thực hiện, giám sát). Phương pháp tham vấn sẽ được thiết kế riêng cho từng nhóm mục tiêu, bao gồm (nhưng không giới hạn) ở thẩm định nhanh có sự tham gia, tham vấn với các bên có lợi ích liên quan tại hiện trường và tại nhà, các cuộc họp tập thể, thảo luận với nhóm mục tiêu và khảo sát kinh tế xã hội hộ gia đình. Sự tham gia của phụ nữ vào quá trình tham vấn phải được ưu tiên. RP sẽ bao gồm một phần riêng mô tả chi tiết hơn về chiến lược/kế hoạch tham vấn, tham gia và công bố.

Chính quyền địa phương, cộng đồng bị ảnh hưởng cũng sẽ được thông báo về đề xuất dự án, mục tiêu và các hoạt động đề xuất của nó, ở giai đoạn đầu của chuẩn bị dự án. Các điểm thảo luận chính sẽ tập trung vào các nhu cầu và ưu tiên phát triển của địa phương và nhận thức của họ đối với các mục tiêu của dự án. Theo yêu cầu trong OP 4.12, RP sẽ được công bố theo hình thức và ở địa điểm sao cho những người bị di dời có thể tiếp cận được từ khi dự thảo, và sau đó được công bố lại sau khi đã hoàn thiện. Ở cấp độ có thể, cơ quan thực hiện phải công khai các công cụ an toàn về xã hội thông qua báo chí, tờ rơi, đài phát thanh tại địa phương để đảm bảo thông tin được tiếp cận rộng rãi.

PMB chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì các công cụ phù hợp để đảm bảo tất cả các hoạt động liên quan tới tham vấn, tham gia và công bố được theo dõi và lập tài liệu một cách phù hợp.

Giám sát, Kiểm soát và Đánh giá

Ngoài việc thu xếp kiểm soát nội bộ dự án, chủ dự án phải đảm bảo rằng thực hiện RP sẽ được giám sát bởi một đơn vị đạt tiêu chuẩn độc lập với các đơn vị thực hiện dự án. RP phải thiết lập phạm vi và tần suất cho các hoạt động kiểm soát. Báo cáo giám sát độc lập sẽ được lập để đệ trình đồng thời lên văn phòng dự án và Ngân hàng Thế giới. RP không được xem là hoàn chỉnh cho tới khi có kiểm toán hoặc khảo sát hoàn thành xác nhận rằng những người hưởng lợi đã nhận được tất cả quyền lợi và khôi phục sinh kế đang được thực hiện theo kế hoạch. Nếu có thể, các hoạt động kiểm soát (nội bộ/độc lập) của RPs có thể được xem xét kết hợp với hành động tương tự trong Kế hoạch phát triển dân tộc ít người của cùng tiểu dự án đó.

7.9 Khung kế hoạch dân tộc ít người

EMPF này thiết lập các chính sách, nguyên tắc và thủ tục phải tuân thủ bởi các tiểu dự

án TKNL tiềm năng, và cung cấp khuôn khổ để phổ biến thông tin và quy trình tham vấn và lập Kế hoạch phát triển dân tộc ít người (EMDPs) theo yêu cầu cho các tiểu dự án để đảm bảo các lợi ích về văn hóa, kinh tế và xã hội của những người bị ảnh hưởng. Khung EMPF này sẽ áp dụng cho tất cả các tiểu dự án và hoạt động tiết kiệm năng lượng có liên quan nếu ở giai đoạn sau của thiết kế hoặc thực hiện dự án có sự xuất hiện của người dân tộc ít người hoặc những người này có tài sản gắn liền với đất/nguồn tài nguyên thiên nhiên trong khu vực tiểu dự án.

Mục tiêu chính của EMPF là đảm bảo rằng quá trình phát triển sẽ thúc đẩy toàn bộ các mặt về giá trị đạo đức, quyền con người, đặc trưng riêng về văn hoá và đảm bảo rằng các dân tộc ít người không phải chịu các tác động bất lợi trong suốt quá trình phát triển và họ sẽ nhận được các lợi ích về kinh tế, xã hội phù hợp với văn hoá của họ. Khung EMPF cung cấp khuôn khổ không chỉ để giảm thiểu mà còn đảm bảo lợi ích cho những người dân tộc ít người (EMs) bị ảnh hưởng, dựa trên sự tham vấn tự do, được ưu tiên và có thông báo trước với những người dân tộc ít người bị ảnh hưởng. EMPF đảm bảo: (a) cách thức để tránh các tác động bất lợi tới các cộng đồng dân tộc ít người; hoặc (b) trong trường hợp các tác động tiêu cực tiềm tàng tới người dân tộc ít người là không thể tránh khỏi thì những tác động này phải được giảm thiểu hoặc bồi thường; và (c) đảm bảo rằng các EMs nhận được các lợi ích về kinh tế xã hội phù hợp với văn hoá của họ và có bao gồm các vấn đề về giới và các thể hệ, và để đạt được sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng đối với tiểu dự án đề xuất.

Tham vấn và Công bố thông tin

Các hoạt động tham vấn sẽ được tiếp tục tiến hành trong các giai đoạn khác nhau của thực hiện dự án (ví dụ như lập kế hoạch, thực hiện, giám sát). Trong các quá trình này, thông tin và tham vấn công chúng sẽ được tiến hành để thu thập thông tin để đánh giá các tác động tái định cư của dự án và đưa ra các khuyến nghị về giải pháp kỹ thuật thay thế có thể để giảm và/hoặc giảm thiểu các tác động tái định cư tiêu cực tiềm tàng tới người dân địa phương và chủ động giải quyết các vấn đề có thể xảy ra trong quá trình thực hiện. Chính quyền địa phương, cộng đồng và các EMs bị ảnh hưởng sẽ được thông báo về các đề xuất dự án, mục tiêu và các hoạt động đề xuất, ở giai đoạn đầu của chuẩn bị dự án. Những điểm thảo luận chính sẽ tập trung vào các nhu cầu phát triển và ưu tiên của địa phương và nhận thức của họ đối với các mục tiêu của dự án. EMs cũng sẽ được tư vấn về những tác động tiềm tàng của dự án và các biện pháp có thể giảm thiểu tác động tiêu cực tiềm tàng, và nâng cao lợi ích cho người dân địa phương. (Xem Bảng dưới đây để biết thêm thông tin)

Tham vấn đúng nghĩa sẽ được tiến hành thông qua tham vấn cộng đồng công khai để đạt được các mục tiêu sau: (i) sự tham gia của các bên liên quan và EMs vào kế hoạch tái định cư và cho phép họ tham gia vào việc đánh giá tác động và rủi ro; (ii) tham gia vào việc ra quyết định có ảnh hưởng đến cuộc sống của họ; (iii) tính minh bạch thông tin về lợi ích và quyền lợi và (iv) sự hiểu biết về vai trò của các bên liên quan và EMs trong áp dụng OP 4.10. Các phương pháp tham vấn sẽ được thiết kế riêng cho từng nhóm đối tượng, bao gồm (nhưng không giới hạn) thăm định nhanh có sự tham gia, tham vấn các bên liên quan thông qua các chuyên thăm thực địa và tại hộ gia đình, các cuộc họp cộng đồng, các cuộc thảo luận nhóm tập trung và các cuộc điều tra kinh tế xã hội hộ gia đình.

Quá trình tham vấn xác nhận rằng các cộng đồng EMs bị ảnh hưởng (i) ủng hộ rộng rãi các mục tiêu của dự án; (ii) nhận thức được lợi ích của dự án, và tin rằng chúng phù hợp về văn hóa; (iii) đã có đủ cơ hội để nhận diện các ưu tiên và khó khăn của họ, như liên quan đến đền bù và tái định cư cũng như các vấn đề môi trường. Đối với Dự án TKNL cho các ngành công nghiệp, quy trình tham vấn hai bước được thiết kế để đảm bảo việc tuân thủ các chính sách dân tộc ít người (OP4.10) của Ngân hàng Thế giới:

- Trong quá trình chuẩn bị dự án, tham vấn với các nhóm EMs thông qua tham vấn tự do, được ưu tiên và có thông báo trước để có được sự ủng hộ rộng rãi của họ. Cán bộ có trách nhiệm của đơn vị thực hiện (IAs) và chính quyền cấp xã xác định các cộng đồng EMs có khả năng bị ảnh hưởng và tiến hành tham vấn. Phụ nữ của các cộng đồng EMs sẽ được khuyến khích tham gia vào tham vấn. Chủ đề của cuộc thảo luận nhóm bao gồm các thông tin dự án; tác động tiềm tàng và các biện pháp giảm thiểu đề xuất; mối quan tâm và các câu hỏi của người dân tộc ít người (EMs); và sự ủng hộ chung của họ đối với của dự án.
- Trong thời gian thực hiện dự án, tham vấn với các nhóm EMs để có được thông tin về các nhu cầu cụ thể, các thách thức và khía cạnh tiềm năng cần có hỗ trợ bổ sung và/hoặc loại hỗ trợ khác nhau. IAs cần đảm bảo rằng có tất cả các nhóm EMs trong quá trình tham vấn và các cuộc tham vấn được tiến hành một cách tương tác, tăng cường thảo luận công khai.

Ở cấp tiểu dự án, EMDP tương ứng sẽ xác định các hành động cụ thể xác định cách thức mỗi EMs sẽ được thông báo đầy đủ và tham vấn bởi ban quản lý dự án và các đơn vị có liên quan của Ủy ban (UBND huyện) và/hoặc Ủy ban nhân dân xã (CPC). Sự tham gia của phụ nữ trong quá trình tham vấn sẽ được ưu tiên. Đơn vị thực hiện (IAs) chịu trách nhiệm thiết lập và duy trì phù hợp các công cụ để đảm bảo rằng tất cả các hoạt động liên quan đến tham vấn, tham gia và công bố thông tin sẽ được theo dõi và lập tài liệu phù hợp.

Theo yêu cầu của OP 4.10, phiên bản tiếng Việt của EMPF này và tất cả các EMDP sẽ có sẵn tại PFIs, PMBs, địa điểm dự án và VDIC ở Việt Nam trước và sau khi được Chính phủ phê duyệt. Phiên bản tiếng Anh của EMPF và EMDP sẽ được công bố tại VDIC ở Việt Nam và Infoshop ở Washington, DC cả trước và sau khi được phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Tất cả các công cụ an toàn về xã hội cũng sẽ được công bố trên các trang web có liên quan. Trong phạm vi có thể, PMB phải công bố công khai các công cụ an toàn về xã hội thông qua báo chí, tờ rơi, phát thanh địa phương để đảm bảo truy cập rộng rãi thông tin này.

Kế hoạch tham vấn đối với EMDP

STT	Nhiệm vụ	Người chịu trách nhiệm	Tài liệu & hình thức
1	Thông báo cho người đứng đầu EM và chính quyền địa phương về tiểu dự án	IEs hoặc tư vấn	Tờ rơi giới thiệu dự án (IEs cung cấp mẫu)
2	Tiến hành sàng lọc để xác định loại và số hộ dân tộc ít người sống trong khu vực vùng ảnh hưởng của dự án.	IE hoặc tư vấn của IEs	Cung cấp mẫu rà soát/kiểm đếm EM
3	Đề nghị người đứng đầu EM, chính quyền địa phương hỗ trợ hoàn thành rà soát/kiểm đếm EM	IEs, PFIs	Thư chính thức
4	Thực hiện đánh giá tác động xã hội hộ EM trong vùng ảnh hưởng/khu vực tiểu dự án. Tiến hành các cuộc thảo luận riêng với 3 nhóm chính của EM là một phần trong SA: những người đứng đầu; nam giới và phụ nữ	IE hoặc tư vấn của IE	Mẫu SIA

STT	Nhiệm vụ	Người chịu trách nhiệm	Tài liệu & hình thức
5	Phân tích và viết ra những phát hiện của SA	IE hoặc tư vấn của IE	Mẫu SIA
6	Gặp gỡ những người đứng đầu và các thành viên và thảo luận các phát hiện SA với họ	IE hoặc tư vấn của IE	
7	Lập Kế hoạch hành động với chính quyền địa phương, đại diện của người dân tộc ít người và người đứng đầu của họ	IE hoặc tư vấn của IE	Mẫu kế hoạch hành động
8	Gặp các Kỹ sư thiết kế để thảo luận về những phân hồi từ cộng đồng và sử dụng thông tin cho thiết kế và các biện pháp giảm nhẹ	IE hoặc tư vấn của IE	
9	Gửi tất cả số liệu kiểm đếm, SA, Kế hoạch hành động lên PFIs	IEs	
10	Tóm tắt thông tin và gửi lên IDA/Ngân hàng Thế giới. Quan trọng – báo cáo phải được nộp cùng với Chương trình tiêu dự án đề xuất.	PFIs	
11	Giám sát thực hiện Kế hoạch hành động dân tộc ít người	IEs, PFIs, Chính quyền địa phương, đại diện của EM, Giám sát độc lập thực hiện RP.	Báo cáo giám sát

Giám sát và Đánh giá

Để đảm bảo rằng EMDP được thực hiện một cách minh bạch và tuân thủ EMPF và chính sách Người bản địa của Ngân hàng Thế giới (OP4.10), một cơ chế giám sát và đánh giá được thiết lập cho tất cả các thành phần dự án trong suốt quá trình thực hiện dự án. Giám sát và đánh giá là một quá trình liên tục. PMB sẽ chịu trách nhiệm giám sát nội bộ và một cơ quan bên ngoài được PMB tuyển dụng sẽ chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá độc lập. Ở mức độ vi có thể, PMB sẽ xem xét để tích hợp giám sát nội bộ và độc lập theo yêu cầu của OP 4.10 thành một nhiệm vụ tương tự như trong OP 4.12. Những phát hiện của cả giám sát RP và giám sát EMDP cần được kết hợp trong một báo cáo trình nộp lên PMB, PFIs và WB xem xét.

Giám sát nội bộ sẽ được PMB thực hiện hàng tháng với các mục tiêu sau:

- Đảm bảo rằng tất cả các tác động tiêu cực của các tiểu dự án lên EMs được giảm nhẹ, giảm thiểu hoặc bồi thường phù hợp với EMDP trong EMPF này;
- Đảm bảo rằng các biện pháp tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu tác động bất lợi được thực hiện theo cách thích hợp về mặt văn hóa cho đồng bào dân tộc;
- Xác định xem các tham vấn tự do, ưu tiên và có thông báo trước đối với cộng đồng người dân tộc có được tiến hành theo cách thức phù hợp về văn hóa hay không;
- Xác định các thủ tục khiếu nại có tuân thủ EMPF không và đề xuất các giải pháp nếu có đối với những vấn đề chưa được giải quyết;
- Phù hợp với việc di dời, giải phóng mặt bằng và triển khai thi công để đảm bảo rằng EMs bị ảnh hưởng đã được bồi thường, hỗ trợ và di dời thỏa đáng trước khi khởi công xây dựng.

Giám sát độc lập sẽ được tiến hành bởi một cơ quan bên ngoài chuyên về khoa học xã

hội. Các chỉ số giám sát và đánh giá độc lập chính bao gồm như sau:

- Tham vấn cộng đồng và nhận thức về lợi ích của dự án, chính sách tái định cư và các quyền lợi của EM bị ảnh hưởng (nếu có);
- Mức độ hài lòng của EMs bị ảnh hưởng với các quy định và thực hiện EMDP;
- Cơ chế giải quyết khiếu nại (lập hồ sơ, quy trình, giải pháp);
- Hiệu quả và tính bền vững của các quyền lợi và các biện pháp phục hồi thu nhập cho EMs bị ảnh hưởng;
- Tác động về giới và chiến lược;
- Năng lực của các EMs bị ảnh hưởng trong việc khôi phục/thiết lập lại sinh kế và mức sống. Lưu ý đặc biệt tới những hộ bị ảnh hưởng nghiêm trọng và các hộ bị dễ bị tổn thương;
- Tác động tái định cư gây ra trong các hoạt động xây dựng;
- Sự tham gia của các EMs bị ảnh hưởng vào lập kế hoạch, cập nhật và thực hiện EMDP;
- Năng lực thể chế, giám sát nội bộ và báo cáo; và
- Nguồn vốn của chính phủ để chi trả bồi thường và trợ cấp đối với EMs bị ảnh hưởng nghiêm trọng nếu có.

7.10 Chỉ tiêu kinh tế

Do lợi ích của tiêu dự án có được từ bảo lãnh của chính phủ do Chính phủ Việt Nam cấp cho WB nên các doanh nghiệp vay vốn phải chứng minh rằng tỷ suất hoàn vốn kinh tế (ERR) không được thấp hơn mức rào cản do Chính phủ đặt ra, ở thời điểm hiện tại là 10%.

WB cũng yêu cầu các dự án được Ngân hàng tài trợ phải có hoàn vốn kinh tế không thấp hơn mức rào cản đó.

Để chuẩn hóa việc tính toán ERR, dự án sẽ xây dựng mô hình và hướng dẫn tính toán phân tích kinh tế. Có thể tải bảng tính và hướng dẫn phân tích kinh tế tài chính từ trang web dự án VEEIE của PMB (<http://www.vneep.moit.gov.vn>) hoặc tại văn phòng PMB.

Để xác minh suất hoàn vốn kinh tế, IE cần điền vào bảng phân tích tài chính do PMB của VEEIE cung cấp (<http://www.vneep.moit.gov.vn>) và xin không phản đối của Ngân hàng Thế giới. Đây là phần cần được hoàn thành *bổ sung thêm* cho tất cả những gì do PFI yêu cầu theo thủ tục soát xét chi tiết thương mại thông thường của PFI.

8. Hồ sơ xin vay lại

Khi xin vay lại khoản vay cho một dự án TKNL, PFIs cần đệ trình Hồ sơ xin vay lại lên WB. Hồ sơ xin vay lại bao gồm:

1. Đề nghị cho vay lại (thư mẫu)
2. Tóm tắt hồ sơ xin vay lại (RAS)
3. Tất cả các tài liệu đính kèm theo yêu cầu (bao gồm nhưng không giới hạn): (i) Báo cáo soát xét chi tiết của PFI; (ii) tài liệu tiêu dự án bao gồm Nghiên cứu khả thi, EMP, RP, EP; (iii) Kế hoạch đấu thầu; và (iv) Hợp đồng vay vốn dự thảo hoặc đã ký giữa PFI và doanh nghiệp vay vốn)

Hồ sơ xin vay lại bao gồm các tài liệu đính kèm phải, ở mức độ có thể, được đệ trình dưới dạng file điện tử (bằng hoặc CD-ROM hoặc DVD-ROM). Các tài liệu không thể đệ trình dưới dạng file điện tử thì có thể đệ trình bằng bản in.

Phần B. Thực hiện khoản vay

Phần B của OM trình bày về những thủ tục sau khi khoản vay lại đã được phê duyệt. Phần này bao gồm thủ tục giải ngân, mua sắm đấu thầu, giám sát sự tuân thủ các chính sách an toàn, thủ tục trả nợ, báo cáo và kiểm toán.

9. Thủ tục giải ngân và Yêu cầu quản lý tài chính

9.1 Thủ tục giải ngân

Dự án sẽ sử dụng những phương pháp giải ngân sau

- *Hoàn trả.* Ngân hàng hoàn trả cho bên vay những chi phí hợp lệ được tài trợ theo Hiệp định vay và tài trợ ('chi tiêu hợp lệ') mà bên vay đã trả trước từ chính các nguồn của bên vay.
- *Tạm ứng.* Sử dụng phương pháp tạm ứng đối với các PFIs, nếu được coi là hợp lý, sẽ dựa vào nhu cầu từ các PFIs đã được lựa chọn.

9.2 Phương pháp hoàn trả

Sau khi nhận được thông tin khoản vay lại cho dự án đệ trình đã được phê duyệt và khoản rút vốn của IE đã vượt quá một mức nhất định, PFI có thể yêu cầu tái thanh toán từ Bộ Tài chính của một phần khoản vay cung cấp cho các doanh nghiệp vay vốn.

Thanh toán từ Ngân hàng Thế giới cho tất cả các Yêu cầu thanh toán cho một tiểu dự án không được vượt quá 80% chi phí đầu tư đã chứng minh đối với IE cho tiểu dự án đó. PFIs sẽ đăng ký hoàn trả theo quý hoặc khi khoản tiền PFI đã trả trước đạt 500.000 \$ tương đương, tùy thuộc vào yếu tố nào xảy ra trước.

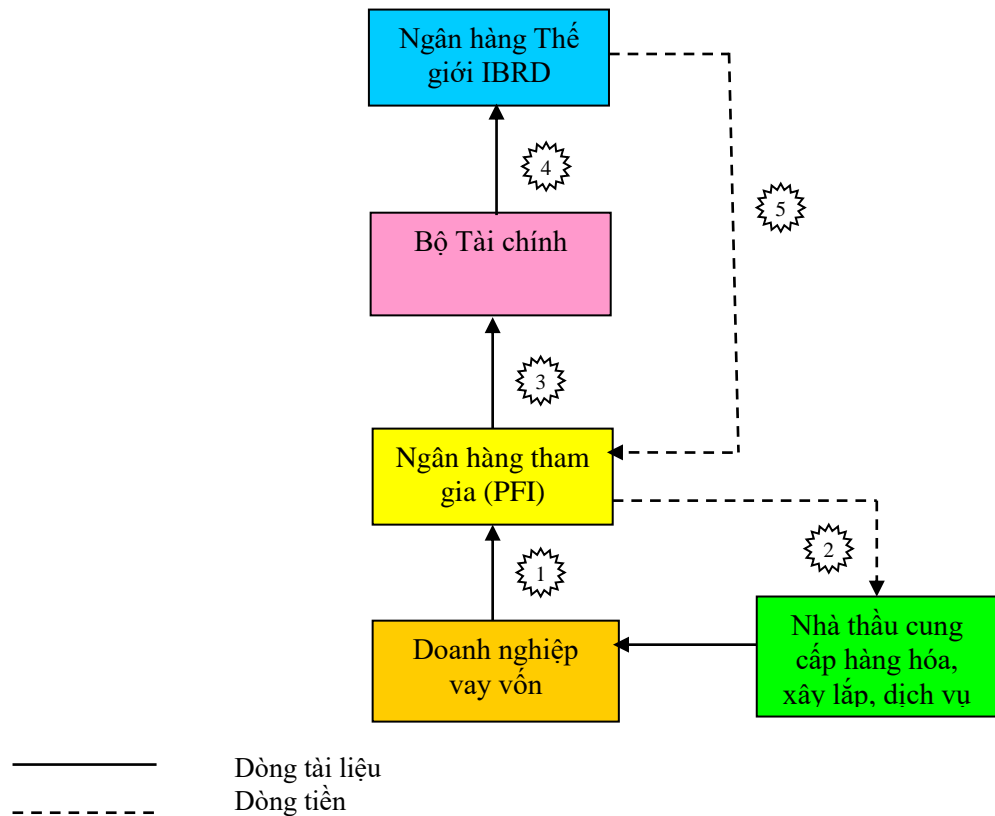
Các PFI có thể yêu cầu trong một yêu cầu thanh toán, hoàn trả cho các khoản vay đã giải ngân cho IE của hơn một tiểu dự án. PFI nộp yêu cầu thanh toán lên Bộ Tài chính, yêu cầu này phải bao gồm các tài liệu sau:

1. Đơn rút vốn (WA) cho các chi phí hợp lệ phải hoàn trả; và
2. Bản sao hướng dẫn thanh toán từ PFIs cho các doanh nghiệp vay vốn hoặc nhà thầu của doanh nghiệp vay vốn và (ii) xác nhận của doanh nghiệp vay vốn là các khoản thanh toán đó được thực hiện liên quan tới khoản vay của họ.

MOF sẽ kiểm tra WA và các tài liệu trình nộp cho mỗi tiểu dự án yêu cầu thanh toán nếu PFI thực sự đã giải ngân thanh toán khoản vay cho IE có dự án đã được chấp thuận cho vay lại và nếu khoản hoàn trả vẫn nằm trong giới hạn 80% chi phí đầu tư. Yêu cầu thanh toán cũng sẽ được kiểm tra dựa vào kế hoạch giải ngân hàng năm cho tiểu dự án. Sau khi xem xét các tài liệu, Bộ Tài chính sẽ ký WA và gửi cho WB để thanh toán.

Thủ tục yêu cầu thanh toán khoản cho vay lại được mô tả theo sơ đồ Hình 6.

- Bước 1. Doanh nghiệp vay vốn yêu cầu PFI rút vốn từ khoản vay dự án TKNL để thanh toán các chi phí của tiểu dự án.
- Bước 2. PFI thông qua khoản rút vốn và chi trả số tiền rút vốn cho doanh nghiệp vay vốn hoặc cho nhà thầu cung cấp xây lắp, hàng hóa và dịch vụ hoặc cho cả hai một phần khoản rút vốn (tùy thuộc vào PFI).



Hình 6. Sơ đồ thanh toán khoản vay lại

- Bước 3 PFI chuẩn bị WA để được hoàn trả cùng với các chứng từ và gửi lên MOF để thông qua/kiểm soát và ký.
- Bước 4 MOF xem xét yêu cầu và chứng từ và nếu không có vấn đề gì, thông qua WA, ký WA và gửi sang WB để hoàn trả. MOF sẽ xem xét WB trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu.
- Bước 5. WB sẽ giải ngân cho PFI.

Hạn cuối cho giải ngân sẽ là bốn tháng sau Ngày đóng dự án VEEIE.

9.3 Phương pháp tạm ứng

Để tạo sự linh hoạt cho thực hiện dự án, nếu phương pháp giải ngân tạm ứng theo đề nghị được thỏa thuận để cung cấp nguồn vốn cho các PFI để các đơn vị này có thể tài trợ cho các chi phí dự án dự kiến mà họ phải chi trả. Các PFI có thể chỉ sử dụng các nguồn vốn ứng trước của Ngân hàng cho các chi phí dự án hợp lệ. Một tài khoản chỉ định sẽ được mở và quản lý tại mỗi PFI. Ngân hàng Thế giới sẽ giải ngân trước vào tài khoản chỉ định này. Mức trần của mỗi tài khoản chỉ định được ấn định là 20 triệu \$ cho hạn mức tín dụng này.

9.4 Kế hoạch giải ngân

Mỗi PFI sẽ lập kế hoạch giải ngân hàng năm và trình lên WB, MOIT và MOF không muộn hơn ngày 31 tháng Giêng hàng năm. Mẫu kế hoạch giải ngân được trình bày trong Phụ lục 3.

Trong trường hợp kế hoạch giải ngân có thay đổi, PFI sẽ cập nhật các kế hoạch này và gửi cho WB/MOF/MOIT.

9.5 Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trung gian hàng quý

Đối với dự án VEEIE, mỗi PFI phải trình lên WB/MOIT Báo cáo tài chính quý (IFR) trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý, tức là vào các ngày 31 tháng Giêng; 30 tháng Tư; 31 tháng Bảy; và 31 tháng Mười.

IFRs dựa vào phần mềm theo dõi thống nhất (Aligned Monitoring Tools - AMT) được quy định trong Quyết định 803 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. IFRs đối với các PFIs bao gồm các bảng biểu sau (theo số tham chiếu của phần mềm AMT).

- IFR 1.1: Nguồn tiền và sử dụng nguồn tiền theo loại chi tiêu;
- Form 4: Giải ngân vốn ODA (theo hợp phần);
- Form 6: Giải ngân vốn đối ứng (theo hợp phần);

Mẫu của báo cáo trên có tại trang web của VEEIE. Các IFRs này không cần phải kiểm toán.

Báo cáo tài chính dự án hàng năm

PFIs sẽ lập các báo cáo tài chính năm bao gồm các hợp phần và các hoạt động của dự án mà PFIs phải chịu trách nhiệm. Các báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở tiền mặt có điều chỉnh tuân theo các chuẩn mực kế toán được chấp nhận rộng rãi. PMB tổng hợp số liệu báo cáo liên quan dựa trên báo cáo tài chính của các PFIs bao gồm:

- Một Báo cáo về Nguồn tiền và Sử dụng nguồn tiền/các khoản thu chi trong đó ghi nhận tất cả các khoản thu chi và số dư tiền mặt do cơ quan đó kiểm soát; tách riêng các khoản thanh toán do bên thứ ba thực hiện dưới danh nghĩa của cơ quan đó.
- Các Chính sách kế toán đã được thông qua để áp dụng và các Chú giải chi tiết. Các Chú giải chi tiết phải được trình bày có hệ thống với các hạng mục trong Báo cáo thu chi được tham chiếu chéo tới bất kỳ thông tin liên quan nào trong chú giải chi tiết. Ví dụ về thông tin này bao gồm danh mục các tài sản cố định được phân theo loại tài sản, và kế hoạch rút các khoản tín dụng/tài trợ không hoàn lại, liệt kê danh mục từng đơn xin rút vốn; và
- Một Chứng nhận quản lý nói rằng khoản tiền của Ngân hàng đã được chi tiêu phù hợp với mục đích dự kiến theo như quy định trong các thỏa thuận pháp lý có liên quan (Hiệp định tài trợ và Hợp đồng cho vay lại).

Báo cáo tài chính hàng năm của dự án phải được kiểm toán và trình lên Ngân hàng trong vòng 6 tháng kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính.

9.6 Yêu cầu kiểm toán

Kiểm toán báo cáo tài chính dự án

Báo cáo tài chính hợp nhất của dự án sẽ được kiểm toán hàng năm phù hợp với chuẩn mực kiểm toán quốc tế và điều khoản tham chiếu được chấp thuận. Đơn vị kiểm toán do PMB ký hợp đồng và chi trả. PMB sẽ chỉ định các đơn vị kiểm toán độc lập được WB chấp thuận. Chi phí kiểm toán do PMB chi trả. Báo cáo kiểm toán sẽ phải cung cấp cho WB trong vòng sáu tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Mỗi báo cáo kiểm toán sẽ chỉ có một ý kiến kiểm toán bao gồm cho cả các Tài khoản của Dự án và Tài khoản chỉ định (kể cả

tính phù hợp của IFRS cho mục đích giải ngân). Đơn vị kiểm toán cũng sẽ cung cấp một thư quản lý chỉ ra những yếu kém trong kiểm soát nội bộ của các đơn vị thực hiện dự án.

Kiểm toán Báo cáo tài chính của PFI

Hàng năm, tất cả các PFIs được yêu cầu phải nộp báo cáo kiểm toán và báo cáo tài chính được kiểm toán lên WB trong vòng 6 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Báo cáo tài chính để kiểm toán sẽ được lập theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế và sẽ do một đơn vị kiểm toán độc lập được WB chấp thuận và theo TOR phù hợp kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế.

Các báo cáo tài chính năm và báo cáo kiểm toán sẽ được công bố công khai trên các trang web của MOIT và PFIs.

10. Mua sắm đấu thầu

Yêu cầu các PFIs và IEs thực hiện dự án theo các yêu cầu về mua sắm đấu thầu quy định trong mục 7.5. MOIT và Ngân hàng Thế giới sẽ giám sát và kiểm soát việc thực hiện mua sắm đấu thầu của dự án. Đối với các tiểu dự án trong hợp phần 1, IE sẽ phải lập kế hoạch đấu thầu gửi cho PFI cùng với hồ sơ xin vay lại. Ngân hàng Thế giới sẽ xem xét và thông qua kế hoạch đấu thầu cho từng tiểu dự án TKNL có tổng mức đầu tư lớn hơn 500 nghìn US\$. Mẫu kế hoạch đấu thầu có trong phụ lục 4.

Giám sát đấu thầu và xét duyệt sau của Ngân hàng: Các hợp đồng Ngân hàng không xét duyệt trước thì sẽ được Ngân hàng xét duyệt sau. Hàng năm, Ngân hàng sẽ thực hiện xét duyệt sau các hoạt động đấu thầu với tỷ lệ lấy mẫu ban đầu là hai mươi phần trăm. Tỷ lệ này sẽ được điều chỉnh định kỳ trong quá trình thực hiện dự án dựa trên hiệu quả thực hiện của các cơ quan thực hiện dự án. Ngân hàng cũng sẽ thực hiện các chuyến giám sát về đấu thầu hai lần một năm. Ngoài việc Ngân hàng xem xét trước các hợp đồng, đánh giá năng lực của PMB và các doanh nghiệp công nghiệp đã đề xuất cần giám sát hiện trường dự án hàng năm để thực hiện kiểm tra các hoạt động đấu thầu xét duyệt sau. Trên cơ sở hàng năm, PMB sẽ gửi cho Ngân hàng một danh sách các hợp đồng hàng hóa, công trình và dịch vụ tư vấn của cả dự án mà Ngân hàng xét duyệt sau, bao gồm nhưng không giới hạn: (i) số tham chiếu như đã nêu trong Kế hoạch đấu thầu và một mô tả tóm tắt hợp đồng; (ii) giá trị ước tính, (iii) phương thức đấu thầu; (iv) ngày trao hợp đồng; (v) tên nhà cung cấp, nhà thầu hoặc tư vấn được trao hợp đồng; và (vi) giá trị hợp đồng cuối cùng.

11. Giám sát sự tuân thủ các chính sách an toàn

Trong quá trình thực hiện các tiểu dự án cho vay lại trong VEEIE, tuân thủ các chính sách an toàn sẽ được giám sát. Bao gồm những nội dung sau.

1. Kế hoạch quản lý môi trường
2. Kế hoạch tái định cư
3. Kế hoạch dân tộc ít người

Báo cáo quý

Từng PFI sẽ lập các báo cáo tiến độ hàng quý. Báo cáo tiến độ quý bao gồm một mục về giám sát các vấn đề an toàn. Chi tiết về nội dung và danh mục kiểm tra được trình bày trong các khung an toàn tương ứng hoặc OM.

Giám sát và thẩm tra độc lập

PMB hàng năm sẽ ký hợp đồng với Tư vấn giám sát độc lập (IMC) để thực hiện việc đánh giá chung sự tuân thủ đối với các kế hoạch an toàn. Hàng năm, IMC này sẽ thực hiện các chuyến thăm hiện trường, ở giai đoạn đầu thì có thể một năm hai lần. Danh mục kiểm tra đối với IMC được đưa vào trong từng khung an toàn tương ứng hoặc trong OM.

Không tuân thủ

Không tuân thủ các khung an toàn được coi là rất nghiêm trọng. Không tuân thủ phải được PMB báo cáo WB ngay lập tức. PMB sau khi tham vấn WB phải thực hiện các hành động theo yêu cầu trong từng trường hợp.

12. Thủ tục trả nợ

PFI trả nợ khoản vay lại cho MOF theo các điều khoản trong Hợp đồng cho vay lại.

13. Báo cáo tiến độ

Chương này mô tả các yêu cầu báo cáo của các bên tham gia:

- Doanh nghiệp vay vốn
- PFI
- PMB/MOIT
- MOF

Báo cáo tiến độ phải được lập theo quý.

IE lập các báo cáo tiến độ hàng quý. Báo cáo tiến độ của IE phải được gửi đến PFI đã cung cấp khoản vay cho tiểu dự án đó.

PFI phải xem xét cẩn thận Báo cáo tiến độ của IE và yêu cầu đầu vào bổ sung hoặc làm rõ từ IE nếu cần. Căn cứ vào Báo cáo tiến độ của các IE, PFI sẽ lập một Báo cáo tiến độ của PFI. Báo cáo này chỉ đơn giản là một giới thiệu ngắn gọn/tóm tắt cho tất cả các dự án được vay lại từ VEEIE mà PFI nhận được, có kèm theo tất cả các Báo cáo tiến độ của IE. Các PFI phải nộp Báo cáo tiến độ của mình lên PMB/MOIT.

PMB/MOIT sẽ xem xét Báo cáo tiến độ của PFI và yêu cầu đầu vào bổ sung hoặc làm rõ từ các PFI nếu cần. Căn cứ vào Báo cáo tiến độ của PFI, PMB/MOIT sẽ lập một Báo cáo thực hiện khoản vay chung cho dự án VEEIE. Báo cáo này là một giới thiệu ngắn gọn/tóm tắt, có một mục về các vấn đề và giải pháp khắc phục và đính kèm tất cả các Báo cáo tiến độ của các PFI. PMB/MOIT phải nộp Báo cáo thực hiện khoản vay cho VEEIE lên WB và đồng gửi cho MOF.

IEs phải nộp Báo cáo tiến độ của mình lên PFI chậm nhất là vào: 15 tháng Giêng; 15 tháng Tư; 15 tháng Bảy; và 15 tháng Mười.

PFI phải nộp các Báo cáo tiến độ của mình lên PMB/MOIT chậm nhất là vào: 31 tháng Giêng; 30 tháng Tư; 31 tháng Bảy và 31 tháng Mười.

PMB/MOIT phải nộp Báo cáo tiến độ thực hiện khoản vay cho dự án VEEIE lên

WB chậm nhất là vào các ngày: 15 tháng Hai; 15 tháng Năm; 15 tháng Tám và 15 tháng Mười Một.

14. Giám sát và đánh giá của Ngân hàng Thế giới

WB sẽ xem xét trước ít nhất 3 Hồ sơ xin vay lại từ mỗi PFI. Yêu cầu kiểm tra trước sẽ tiếp tục cho đến khi WB thấy yên tâm là quy trình xem xét đã thiết lập hoạt động tốt và các dự án được các PFIs đề xuất xin vay lại thực sự đáp ứng tất cả các yêu cầu. Khi nào WB thông báo cho các PFI bằng văn bản là không còn cần phải xem xét trước nữa đối với một PFI nào đó thì chỉ khi đó các hồ sơ xin vay lại mới được kiểm tra sau.

WB sẽ giám sát tiến độ thực hiện và thảo luận với PMB/MOIT về các hành động cần thực hiện trong trường hợp tiến độ dự án chậm hơn dự kiến.

Một năm hai lần WB sẽ tiến hành chuyến giám sát chính thức.

Khoảng 30 tháng sau khi dự án có hiệu lực, Ngân hàng Thế giới sẽ tiến hành Đánh giá giữa kỳ.

**DỰ ÁN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG CHO NGÀNH CÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM**

Sổ tay Hướng dẫn hoạt động

PHỤ LỤC

Cơ quan soạn thảo

Ban Quản lý Dự án
Bộ Công Thương
Việt Nam

Tháng 4 năm 2017
Hà Nội

Phụ lục 1: Biểu sàng lọc

Tiêu chí hợp lệ	Có/ Không	Ghi chú
1. Doanh nghiệp vay là doanh nghiệp công nghiệp hay ESCO?		
2. Doanh nghiệp vay có sở hữu chéo với PFI không?		
3. Tiểu dự án gồm trang bị thêm, cải tạo/phục hồi (chứ không phải là một dự án mới)?		
4. Tiểu dự án được chứng minh tiết kiệm năng lượng tối thiểu 20%?		
5. Thời gian hoàn vốn đầu tư tiểu dự án TKNL 10 năm ?		
6. Tiểu dự án đã nhận được phê duyệt của chính phủ về môi trường theo yêu cầu		
7. Tiểu dự án được xếp loại môi trường A, B hay C		
8. Nếu tiểu dự án là loại B, tiểu dự án đã có EMP hoàn thiện được cơ quan môi trường phê duyệt chưa		
9. Nhà máy của tiểu dự án gần đây có thu hồi đất để hoạt động như hiện nay không	Có	Cần lập một soát xét chi tiết (due diligence) theo Khung chính sách tái định cư;
10. Thực hiện tiểu dự án có liên quan đến bất kỳ việc thu hồi đất và tái định cư tiềm năng nào bên ngoài các cơ sở hiện có của nhà máy	Có	Cần lập một kế hoạch hành động tái định cư phù hợp với Khung chính sách tái định cư.
11. Thực hiện tiểu dự án có liên quan đến bất kỳ cộng đồng dân tộc ít người tiềm tàng nào không	Vâng	Cần lập một Kế hoạch phát triển dân tộc ít người.
12. Tiểu dự án sẽ không trực tiếp gây ra sa thải lao động bắt buộc nào		

Phụ lục 2: Khung đánh giá kỹ thuật

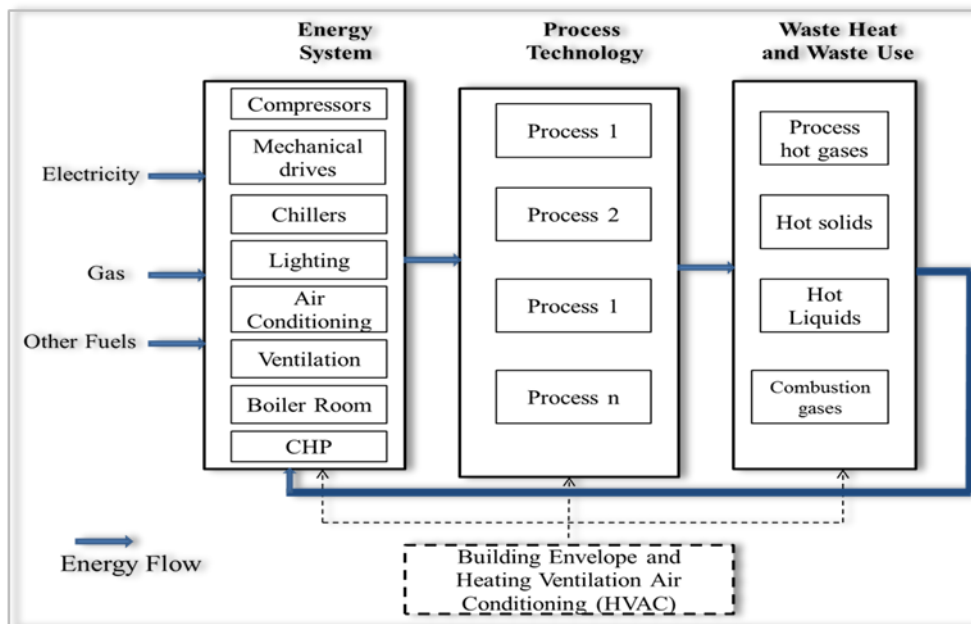
Khung kỹ thuật nhằm hỗ trợ các PFIs và IE trong việc nhận diện các tiêu dự án TKNL, đánh giá và thẩm định đầu tư TKNL. Khung sẽ bao gồm các nội dung sau:

- Các tiêu dự án TKNL ;
- Sàng lọc tiêu dự án;
- Phạm vi đánh giá tiêu dự án;
- Tính toán và xác minh năng lượng tiết kiệm được;
- Phân tích kinh tế và tài chính;
- Nghiên cứu khả thi tiêu dự án.

1. Các tiêu dự án TKNL

Các công nghệ năng lượng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng ở từng ngành công nghiệp là khác nhau nhưng các biện pháp tiết kiệm năng lượng tiềm năng bao gồm: (a) các hệ thống tiêu thụ năng lượng: nâng cấp nồi hơi và chuyển đổi nhiên liệu, sử dụng các thiết bị đồng phát và hệ thống điện điều khiển bằng điện, bao gồm hệ thống nén khí, máy làm lạnh bằng điện, máy móc, và chiếu sáng bằng điện; (b) quy trình chế biến xử lý: nâng cấp và thay thế thiết bị, máy móc và trang thiết bị; và (c) sử dụng nhiệt thải và chất thải: sử dụng nhiệt thải (khí, chất lỏng và chất rắn nóng/ấm) và đốt các chất thải dễ cháy (chất khí, chất lỏng, chất rắn). Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo để giảm tiêu thụ nhiên liệu và/hoặc điện năng ở các IEs cũng có thể được xem xét. Các đầu tư có thể bao gồm (a) Các thiết bị đồng phát hoặc lò nung và (b) bình nước nóng năng lượng mặt trời để chuẩn bị nước nóng/ấm. Hình 2. 1 mô tả các dòng năng lượng và đầu tư ở các IEs điển hình.

Hình 2.1. Các biện pháp TKNL tiềm năng



Các loại dự án TKNL ở IEs ở hình trên bao gồm ba nhóm chính: (i) hệ thống năng lượng; (ii) công nghệ chế biến xử lý; và (iii) sử dụng nhiệt thải và chất thải.

- Đầu tư vào các hệ thống năng lượng liên quan đến nâng cấp lò hơi và chuyển đổi nhiên liệu, sử dụng các thiết bị đồng phát và hệ thống điều khiển bằng điện bao gồm các hệ thống nén khí, máy làm lạnh bằng điện, máy móc thiết bị và chiếu sáng bằng điện; đường ống dẫn nhiệt (hơi nước, nước) và thiết bị liên quan;

- *Đầu tư vào các công nghệ chế biến, xử lý* liên quan đến việc nâng cấp và thay thế thiết bị, máy móc và trang thiết bị; và / hoặc
- *Đầu tư vào sử dụng nhiệt thải và chất thải* liên quan đến việc sử dụng nhiệt thải (khí, chất lỏng và chất rắn nóng/ấm) và đốt các chất thải dễ cháy (chất khí, chất lỏng, chất rắn) khi các chất ô nhiễm độc hại có thể được kiểm soát một cách hiệu quả.

Các đầu tư tiết kiệm năng lượng điển hình trong các hệ thống năng lượng

	BUÔNG ĐỐT với hệ thống đường ống liên quan (hơi nước, nước, ngưng tụ)	Đề nghị chọn
A.1	Chuyển đổi nhiên liệu từ những loại đắt đỏ sang những loại ít tốn kém hơn nhiều (kể cả phế liệu dễ cháy và sinh khối)	
A.2	Thay thế hoặc điều chỉnh lò đốt nhiên liệu	
A.3	Cải thiện hệ thống thiết bị & điều khiển (C&I), đặc biệt là khí ống khói, kiểm soát quá trình đốt cháy dựa vào oxy	
A.4	Cách nhiệt của vỏ nồi hơi, đường ống phân phối, phụ tùng và các bộ phận kết nối, bể, bộ trao đổi nhiệt và các thiết bị khác	
A.5	Thay thế đầu phụ hơn hoạt động kém hoặc không hoạt động	
A.6	Thay thế hoặc sửa chữa van điều áp và van khóa (ví dụ như trong trường hợp rò rỉ)	
A.7	Thiết kế lại và loại bỏ các đường ống không cần thiết trong hệ thống phân phối (để đơn giản hóa hệ thống)	
A.8	Thu hồi nhiệt khí ống khói nồi hơi	
A.9	Lắp đặt hệ thống hồi trả nước ngưng	
A.10	Tự động xả đáy (hoàn toàn tự động, dựa vào hẹn giờ, v.v)	
A.11	Thu hồi nhiệt thải từ xả đáy lò hơi	
A.12	Làm nóng trước nước cấp và nước ngưng hồi trả trước khi đưa vào nồi hơi	
A.13	Xử lý hóa chất nước cấp và nước ngưng trước khi đưa vào nồi hơi	
A.14	Nồi hơi phân phối thay vì một nồi hơi trung tâm (trong các máy móc sản xuất phân tán)	
A.15	Lắp đặt máy tích nhiệt (nước nóng) để chạy nồi hơi ở công suất danh nghĩa càng lâu càng tốt	
A.16	Lắp đặt máy tích hơi nước tại nơi có thay đổi đáng kể về nhu cầu hơi trong khoảng thời gian ngắn (để cân bằng hoạt động của nồi hơi bất kể nhu cầu và đạt được hiệu quả tối đa có thể)	
A.17	Thay thế những nồi hơi quá lớn (so với nhu cầu thực tế) hoặc đã phát hư hỏng, lỗi thời và không đáng tin cậy	
A.18	Thay thế đường ống hơi quá lớn ở nơi có thể được giảm đáng kể nhu cầu (tiêu thụ) hơi nước, để giảm tổn thất nhiệt trong phân phối hơi	
A.19	Thay thế nồi hơi hiện có bằng nồi hơi ngưng tụ mới (giảm tổn thất nhiệt bằng khí thải do nhiệt độ khí thải thấp hơn tại ống xả), đặc biệt là khi dùng khí thiên nhiên làm nhiên liệu	
	HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN - HỆ THỐNG KHÍ NÉN	
A.20	Giảm áp lực bắt buộc xuống mức tối thiểu yêu cầu	
A.21	Làm mát trước nhiều hơn đối với không khí đầu vào	
A.22	Thay thế bộ lọc khí vào và bộ lọc khí ra	
A.23	Giảm rò rỉ khí trong hệ thống phân phối khí nén	
A.24	Thu hồi nhiệt không khí và sử dụng nó để làm nóng không gian hoặc quá trình trước khi sấy, vv	
A.25	Tách một phần của đường ống khí nén không sử dụng	
A.26	Làm sạch không khí đầu vào để đáp ứng độ sạch yêu cầu (thiết kế) và lắp đặt xử lý hiệu suất cao cho các ứng dụng cụ thể	
A.27	Lắp đặt máy nén riêng biệt ở các bộ phận của hệ thống có nhiều nhu cầu khí nén	

	khác nhau (so với phần lớn của hệ thống)	
A.28	Sử dụng máy thổi thay vì máy nén cung cấp khí áp thấp	
A.29	Thay thế hoàn toàn các hệ thống nén khí đã hư hỏng, đã lỗi thời đặc biệt là máy nén khí, hệ thống thiết bị và điều khiển	
	SẢN XUẤT ĐIỆN VÀ NHIỆT KẾT HỢP (CHP) – ĐỒNG PHÁT	Đề nghị chọn
A.30	Đồng phát điện và nhiệt dựa trên các công nghệ khác nhau chạy bằng khí thiên nhiên	
A.31	Đồng phát điện và nhiệt dựa trên khí tổng hợp như khí sinh học (hầm), chất thải trong nông nghiệp và công nghiệp, sinh khối, vv	
A.32	Tam phát khí đồng thời có nhu cầu về nhiệt và làm mát (ví dụ như các ngành công nghiệp nước giải khát: nhu cầu nhiệt để thanh trùng, làm mát/làm lạnh nước để CO2 hấp thụ tốt hơn; thay thế máy làm lạnh chạy bằng điện bằng làm lạnh chạy bằng nhiệt từ thiết bị đồng phát.)	

Đầu tư tiết kiệm năng lượng trong công nghệ chế biến, xử lý

	THIẾT BỊ SẤY	Đề nghị chọn
B.1	Cải thiện hệ thống thiết bị và điều khiển	
B.2	Cải thiện cách nhiệt của vỏ	
B.3	Lắp đặt lò đốt đồng bộ	
B.4	Chuyển đổi nhiên liệu	
B.5	Tận dụng nhiệt thải	
B.6	Tân trang và nâng cấp thiết bị	
B.7	Cải thiện lắp đặt cung cấp nhiên liệu	
B.8	Lắp đặt thiết bị tách ẩm	
B.9	Cải thiện tuần hoàn không khí (khí thải)	
B.10	Thay thế thiết bị sấy đã hư hỏng, không hiệu quả	
	BIỆN PHÁP ĐIỆN TIẾT KIỆM	
B.11	Chuyển sang giá điện ban đêm cho một số bộ phận của thiết bị sản xuất	
B.12	Chỉnh hệ số công suất	
B.13	Tổ chức lại quy trình sản xuất để tránh quá công suất giờ cao điểm	
B.14	Nâng cấp / thay thế thiết bị đo điện	
B.15	Thay thế thiết bị dẫn động bằng điện bằng loại biến tần mới (điều chỉnh tần số) hoặc lắp đặt biến tần ở các thiết bị quay hiện tại (quạt, máy bơm, máy nén khí, v.v) hoạt động với chế độ thay đổi (dòng chất lỏng)	
B.16	Thay thế thiết bị dẫn động bằng điện không hiệu quả bằng các động cơ điện tiết kiệm năng lượng hiện đại	
	CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN XỬ LÝ CHÍNH	
B.17	Cải thiện hệ thống thiết bị và điều khiển (C & I)	
B.18	Thay thế thiết bị kém hiệu quả của các công nghệ chế biến, xử lý	
B.19	Tận dụng nhiệt thải (lấy được từ quá trình) sử dụng để làm nóng không gian, làm nóng quá trình, vv	
B.20	Chuyển đổi nhiên liệu (năng lượng) (như thay thế than bằng khí trong nhà máy gạch)	
B.21	Thay thế công nghệ chế biến xử lý chính	
	CÁC TÒA NHÀ – Cải thiện hệ thống sưởi, thông gió, điều hòa nhiệt độ và chiếu sáng (HVAC) cho bên ngoài	
	(1) HỆ THỐNG SƯỜI ẤM	
B.22	Lắp đặt cách nhiệt cho thiết bị, đường ống phân phối, phụ kiện và van nằm ở ngoài trời	
B.23	Cải thiện bộ điều khiển nhiệt độ (van ba chiều, điều áp, cảm biến nhiệt độ, bộ điều	

	nhật, thiết bị dẫn động bằng điện) và sưởi ấm phù hợp với đường tang nhiệt	
B.24	Áp dụng quy định nhiệt độ khu vực	
B.25	Lắp đặt quy định nhiệt độ dựa vào bộ điều nhiệt ở từng khu riêng biệt	
B.26	Lắp đặt điều khiển nhiệt độ cục bộ tại bộ tản nhiệt (van có điều nhiệt)	
B.27	Cải thiện hệ thống sưởi (trạm sưởi, thiết kế lại đường ống, thay thế ống đứng và van khác, v.v).	
B.28	Lắp đặt máy bơm nhiệt	
B.29	Chuyển đổi nhiên liệu từ loại đắt sang loại rẻ, đặc biệt là thay việc dùng điện để sưởi bằng các nguồn khác	
B.30	Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo để làm nóng không khí (năng lượng địa nhiệt, năng lượng mặt trời nhiệt, sinh khối, v.v)	
B.31	Chuyển từ hơi nước sang nước nóng để làm nóng không khí	
	(2) THÔNG GIÓ CƠ KHÍ VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ	
B.32	Quy định nhiệt độ cho khu vực	
B.33	Hệ thống thu hồi nhiệt thải	
B.34	Lắp đặt quạt trên mái	
B.35	Sử dụng thông gió tự nhiên khi có thể	
B.36	Thông gió trong đêm	
B.37	Lắp đặt hệ thống phía nhu cầu trong HVACs	
B.38	Áp dụng phương pháp làm lạnh hấp thụ	
B.39	Sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo	
	(3) CHIẾU SÁNG	
B.40	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng tự động (điều khiển bằng hẹn giờ hoặc cách khác)	
B.41	Lắp đặt bộ cảm biến ánh sáng tự nhiên cho công tắc bật/tắt	
B.42	Loại bỏ các đèn không cần thiết	
B.43	Thay thế bóng đèn sợi đốt bằng những loại hiệu quả hơn (ống huỳnh quang, bóng đèn natri cao áp, bóng đèn halogen kim loại)	
B.44	Dùng bộ cảm biến di chuyển để bật/tắt công tắc (phòng không có người, không có chuyển động, và ngược lại)	

Đầu tư tiết kiệm năng lượng trong sử dụng nhiệt thải và chất thải

	SỬ DỤNG NHIỆT THẢI VÀ CHẤT THẢI	Đề nghị chọn
C.1	Đốt chất thải dễ cháy (khí, chất lỏng, chất rắn) không có chất gây ô nhiễm độc hại hoặc nơi có thể kiểm soát hiệu quả ô nhiễm (nồi hơi, lò nung, lò sấy - trong nồi hơi và các thiết bị đồng phát và/hoặc lò nung và lò sấy trong công nghệ xử lý, chế biến)	
C.2	Thu hồi nhiệt thải sử dụng bộ trao đổi nhiệt thường xuyên khi khí thải hoặc các chất lỏng không phải là loại mài mòn hoặc ăn mòn (làm nóng trước nước ngưng, nước cấp, khí buồn đốt, sử dụng trong các hệ thống HVAC hoặc công nghệ xử lý, chế biến chính)	
C.3	Thu hồi nhiệt thải của các chất lỏng ăn mòn hoặc mài mòn (chất khí, chất lỏng) sử dụng bộ trao đổi nhiệt chất liệu gốm hoặc chất liệu đặc biệt khác và sử dụng nhiệt như quy định trong C.2	
C.4	Sử dụng nhiệt hơi nước tiềm tàng để thay đổi áp lực (trong hệ thống hồi trả nước ngưng).	
C.5	Thu gom, tách, làm sạch (nếu cần thiết) nước ngưng từ hệ thống hơi nước và trả nó lại cho nồi hơi hoặc một hệ thống đồng phát năng lượng (giảm tổn thất nước ngưng)	

Các đầu tư tiết kiệm năng lượng khác

D1	Do doanh nghiệp vay nêu ra	
----	----------------------------	--

Tiêu chí các tiêu dự án hợp lệ:

Đầu tư các tiêu dự án được giới hạn ở cải tạo và khôi phục (điều chỉnh, thay thế) các thành phần và hệ thống hiện có với mục tiêu đạt được hiệu quả năng lượng cao hơn. Các tiêu dự án cần chứng minh yêu cầu tiết kiệm năng lượng tối thiểu là hai mươi (20%) phần trăm. Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng thấp hơn cũng có thể được chấp nhận đối với một số lĩnh vực cụ thể với công nghệ năng lượng hiện đại.

Lợi ích dòng tiền chi phát sinh từ tiết kiệm năng lượng liên quan tới tiêu dự án đó, như được ước tính sử dụng các kế hoạch tài chính của tiêu dự án do doanh nghiệp vay vốn lập và được các PFIs xem xét, phải đủ để chi trả toàn bộ chi phí đầu tư của tiêu dự án trong thời hạn mười (10) năm. Tỷ lệ nội hoàn kinh tế phải lớn hơn mười phần trăm (10%).

Doanh nghiệp vay vốn cuối cùng phải có được tất cả các phê duyệt về môi trường cần thiết từ các cơ quan môi trường địa phương, tỉnh, nhà nước phù hợp và phải cung cấp cho PFIs bản sao của tất cả các văn bản phê duyệt theo yêu cầu.

Ngoài ra, các tiêu dự án phải được sàng lọc về an toàn và sự tuân thủ các yêu cầu về môi trường và xã hội. Các quy trình, thủ tục sàng lọc an toàn và thực hiện bảo vệ phù hợp với các khung an toàn quy định trong phụ lục liên quan.

2. Sàng lọc tiêu dự án

Sàng lọc tiêu dự án là trách nhiệm của các doanh nghiệp và các PFIs.

Các IEs tiềm năng tìm nguồn tài trợ cho một tiêu dự án TKNL phải nộp một hồ sơ lên PFI. Ngoài những yêu cầu về thông tin thông thường trong hồ sơ xin vay lại, hồ sơ xin vay lại của tiêu dự án TKNL sẽ bao gồm các thông tin sau: (1) Mô tả chung về phạm vi dự án và doanh nghiệp vay vốn (2) Mục tiêu và luận chứng của tiêu dự án, (3) tóm tắt các đánh giá kỹ thuật tiêu dự án, (4) dữ liệu tiêu thụ năng lượng đường cơ sở và dự kiến tiết kiệm năng lượng của tiêu dự án, (5) đánh giá tác động môi trường, và tình trạng phê duyệt của chính phủ theo yêu cầu, và (6) chi phí đầu tư dự kiến của tiêu dự án và kế hoạch tài chính.

PFI sẽ thực hiện rà soát ban đầu hồ sơ xin vay lại. Để rà soát hồ sơ xin vay lại dự án TKNL, Nhóm rà soát của PFI có thể bao gồm, ngoài những thành viên khác, một chuyên gia về tiết kiệm năng lượng chịu trách nhiệm soát xét chi tiết về mặt kỹ thuật và đo đạc và xác minh (M&V) tiết kiệm năng lượng, và một chuyên gia về môi trường.

Cùng với các tài liệu khác mà PFI yêu cầu IE trình nộp tại thời điểm xin vay lại, kiến nghị rằng IE cần đệ trình bản sao chính thức của:

- Nghiên cứu khả thi của tiêu dự án,
- Phê duyệt của chính phủ đối với thực hiện dự án,
- Phê duyệt về môi trường của chính phủ, và
- Các tài liệu liên quan khác như báo cáo kiểm toán năng lượng đường cơ sở.

Nếu chưa có nghiên cứu khả thi của tiêu dự án bản cuối cùng, doanh nghiệp có thể trình nộp một bản dự thảo được xây dựng hợp lý tại thời điểm xin vay lại. Tuy nhiên, doanh nghiệp vay cần cung cấp bản chính thức của nghiên cứu khả thi trước khi bắt đầu thẩm định.

PFI sẽ thực hiện rà soát ban đầu hồ sơ xin vay lại và thảo luận với bên vay tiềm năng để đánh giá xem tiêu dự án đó có tuân thủ các tiêu chí hợp lệ và đáp ứng các yêu cầu về chính sách và yêu cầu tín dụng của PFI không.

PFI sẽ hoàn thành một Báo cáo đánh giá ban đầu dựa trên đánh giá ban đầu của mình và sẽ bao gồm trong đó một phần liên quan đến việc tuân thủ các tiêu chí hợp lệ.

3. Phạm vi đánh giá kỹ thuật

Trong khi thẩm định, PFI sẽ tiến hành đánh giá kỹ thuật của tiểu dự án. Khi đã nhận được các tài liệu liên quan từ doanh nghiệp vay, PFI sẽ thực hiện đánh giá kỹ thuật tiểu dự án với sự hỗ trợ của một chuyên gia kỹ thuật, một chuyên gia kiểm toán năng lượng và một chuyên gia môi trường.

Tiểu dự án công nghiệp - Đối với các dự án công nghiệp, các chuyên gia kỹ thuật cần phải có hiểu biết về kỹ thuật và hệ thống đạt yêu cầu về ngành và các công nghệ hoặc hệ thống tiết kiệm năng lượng sẽ được thực hiện trong tiểu dự án. Chuyên gia kiểm toán năng lượng cần phải có kinh nghiệm phù hợp trong việc thực hiện xây dựng đường cơ sở dự án TKNL trong công nghiệp và đánh giá các biện pháp tiết kiệm năng lượng. Chuyên gia môi trường cần có chuyên môn trong đánh giá tác động môi trường của các dự án công nghiệp, và có kiến thức về các quy định, yêu cầu và quy trình phê duyệt môi trường của chính phủ.

Tiểu dự án ESCO - Đối với dự án ESCO, chuyên gia kỹ thuật cần phải có hiểu biết về kỹ thuật và hệ thống đạt yêu cầu về loại khách hàng của ESCO và các công nghệ và hệ thống tiết kiệm năng lượng được thực hiện trong tiểu dự án. Chuyên gia kiểm toán năng lượng cần phải có kinh nghiệm phù hợp trong việc thực hiện xây dựng đường cơ sở dự án TKNL và đánh giá các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong lĩnh vực khách hàng đang hoạt động. Chuyên gia môi trường cần có chuyên môn trong đánh giá tác động môi trường của các dự án trong lĩnh vực hoạt động của khách hàng và có kiến thức về các quy định, yêu cầu và quy trình phê duyệt môi trường của chính phủ.

Tiểu dự án tòa nhà – Đối với tiểu dự án tòa nhà, chuyên gia kỹ thuật cần phải có hiểu biết về kỹ thuật và hệ thống đạt yêu cầu về sử dụng năng lượng trong tòa nhà và các công nghệ và hệ thống tiết kiệm năng lượng trong tòa nhà được thực hiện trong tiểu dự án. Chuyên gia kiểm toán năng lượng cần phải có kinh nghiệm phù hợp trong việc thực hiện xây dựng đường cơ sở dự án TKNL và đánh giá các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong tòa nhà. Chuyên gia môi trường cần có chuyên môn trong đánh giá tác động môi trường của các dự án trong lĩnh vực xây dựng, và có kiến thức về các quy định, yêu cầu và quy trình phê duyệt môi trường của chính phủ.

Nếu PFI còn thiếu bất kỳ chuyên gia cần có theo yêu cầu, PFI sẽ thuê các chuyên gia bên ngoài (tư vấn cá nhân hoặc doanh nghiệp) với kinh nghiệm và hiểu biết kỹ thuật phù hợp để thực hiện việc đánh giá kỹ thuật. Các chuyên gia kỹ thuật cũng sẽ tham gia và đóng góp vào quá trình phân tích tài chính cũng như giám sát tiểu dự án và thực hiện báo cáo.

Trong đánh giá kỹ thuật, các chuyên gia kỹ thuật sẽ đánh giá những mặt sau:

- a) Đảm bảo tiểu dự án tuân thủ đầy đủ (i) đối với các dự án công nghiệp, các chính sách và quy định về ngành và công nghệ hiện hành; và (ii) đối với các dự án tòa nhà, các tiêu chuẩn quy định và quy phạm xây dựng có liên quan.
- b) Đảm bảo các tiêu chí hợp lệ về kỹ thuật đối với tiểu dự án đã thiết lập đáp ứng đầy đủ:
 - Vạch rõ và xác định ranh giới về kỹ thuật và vật lý và các thành phần của tiểu dự án trong hệ thống sản xuất chung hoặc tòa nhà của doanh nghiệp vay vốn;
 - Xác nhận là có phải đầu tư tiểu dự án chỉ giới hạn ở cải tạo và khôi phục các thành phần và hệ thống vật lý hiện có không;
 - Xác nhận rằng, theo quy định tại Chương 3, thời gian hoàn vốn tiết kiệm năng lượng trên tiểu dự án đầu tư nhỏ hơn 10 năm dựa trên lợi ích dòng tiền có được từ năng lượng tiết kiệm được từ tiểu dự án.
 - Thời gian hoàn vốn tiết kiệm năng lượng sẽ được tính như sau:

Thời gian hoàn vốn tiết kiệm năng lượng = Tổng chi phí đầu tư tiêu dự án/Dòng tiền bình quân hàng năm từ tiết kiệm năng lượng.

- c) Xem xét và đánh giá năng lực kỹ thuật (như bằng chứng về thành công đã được chứng minh, chứng chỉ và giấy chứng nhận, kết quả thử nghiệm chính thức,...) của đơn vị thiết kế, xây dựng, lắp đặt, nhà sản xuất thiết bị,... khi thích hợp;
- d) Đánh giá và so sánh các giải pháp thiết kế hệ thống, các lựa chọn công nghệ và quy trình chính và các lựa chọn thiết bị trình bày trong báo cáo nghiên cứu khả thi; xác minh lý do lựa chọn thiết kế hệ thống, công nghệ, quy trình, thiết bị và sản phẩm; đánh giá sự phù hợp công nghệ với các hệ thống hiện có; xem xét và xác minh những thay đổi của thông số kỹ thuật và các chỉ số (của công nghệ, quy trình, thiết bị, hệ thống, sản phẩm, công suất sản xuất) trước và sau khi có tiêu dự án;
- e) Xem xét và thẩm định hiệu quả năng lượng đường cơ sở (trước khi có tiêu dự án) và kịch bản tiêu thụ trong ranh giới của tiêu dự án (xem mục 4);
- f) Xác định và thẩm định những cải tiến tổng thể hiệu quả năng lượng và TKNL sau khi có tiêu dự án, cũng như các thành phần quan trọng của cải thiện hiệu quả năng lượng và tiết kiệm năng lượng về công nghệ, quy trình và thiết bị, (xem phần 4) ;
- g) Xem xét và thẩm định các rủi ro kỹ thuật và các biện pháp giảm thiểu rủi ro;
- h) Xem xét và thẩm định tính khả thi của kế hoạch thực hiện về mặt kỹ thuật
- i) Xem xét và thẩm định ước tính chi phí đầu tư tiêu dự án (bao gồm phân tích các thành phần chi phí).

Đánh giá kỹ thuật sẽ được thực hiện thông qua xem xét báo cáo khả thi nghiên cứu, báo cáo kiểm toán năng lượng, tài liệu khác có liên quan, cũng như các chuyến đi thực địa và phỏng vấn. Các chuyên gia kỹ thuật sẽ thực hiện thẩm định trường tiêu dự án ít nhất một lần trong giai đoạn đầu của thẩm định, phỏng vấn những nhân viên kỹ thuật chủ chốt tham gia vào tiêu dự án (quản lý kỹ thuật, nhà thầu lập báo cáo khả thi, kiểm toán viên năng lượng,.. của doanh nghiệp vay vốn); và liên lạc với các bên liên quan chính (nhà thầu, các nhà sản xuất thiết bị, cung cấp công nghệ) nếu cần. Những phát hiện của đánh giá kỹ thuật sẽ được đưa vào trong báo cáo thẩm định.

4. Tính toán và thẩm định tiết kiệm năng lượng

Tiêu thụ năng lượng của doanh nghiệp vay TRƯỚC đầu tư tiết kiệm năng lượng				
1. Tiêu thụ điện hàng năm				
Tiêu thụ điện	MWh / năm			
2. Tiêu thụ nhiên liệu hàng năm		Tổng tiêu thụ	Hệ số chuyển đổi kWh	Tiêu thụ tính bằng MWh
Khi thiên nhiên	Ngàn mét khối / năm			
Dầu nhiên liệu nặng	Tấn / năm			
Dầu nhiên liệu nhẹ	Nghìn lít / năm			
Khí dầu mỏ hóa lỏng	Kg / năm			
Dầu diesel	Nghìn lít / năm			
Xăng	Nghìn lít / năm			
Than cốc	Tấn / năm			
Than đá và than nâu	Tấn / năm			
Than bùn	Tấn / năm			

Nhiên liệu khác: [nêu rõ]	[Nhập đơn vị]			
Tổng tiêu thụ năng lượng theo MWh / năm				

Tiêu thụ năng lượng của doanh nghiệp vay SAU đầu tư tiết kiệm năng lượng				
1. Tiêu thụ điện hàng năm				
Tiêu thụ điện	MWh / năm			
2. Tiêu thụ nhiên liệu hàng năm		Tổng tiêu thụ	Hệ số chuyển đổi kWh	Tiêu thụ tính bằng MWh
Khi thiên nhiên	Ngàn mét khối / năm			
Dầu nhiên liệu nặng	Tấn / năm			
Dầu nhiên liệu nhẹ	Nghìn lít / năm			
Khí dầu mỏ hóa lỏng	Kg / năm			
Dầu diesel	Nghìn lít / năm			
Xăng	Nghìn lít / năm			
Than cốc	Tấn / năm			
Than đá và than nâu	Tấn / năm			
Than bùn	Tấn / năm			
Nhiên liệu khác: [nêu rõ]	[Nhập đơn vị]			
Tổng tiêu thụ năng lượng theo MWh / năm				

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG HÀNG NĂM				
1. Tiêu thụ điện hàng năm				
Tiêu thụ điện	MWh / năm			
2. Tiêu thụ nhiên liệu hàng năm		Tổng tiết kiệm	Hệ số chuyển đổi kWh	Tiết kiệm tính bằng MWh
Khi thiên nhiên	Ngàn mét khối / năm			
Dầu nhiên liệu nặng	Tấn / năm			
Dầu nhiên liệu nhẹ	Nghìn lít / năm			
Khí dầu mỏ hóa lỏng	Kg / năm			
Dầu diesel	Nghìn lít / năm			
Xăng	Nghìn lít / năm			
Than cốc	Tấn / năm			
Than đá và than nâu	Tấn / năm			
Than bùn	Tấn / năm			
Nhiên liệu khác: [nêu rõ]	[Nhập đơn vị]			
Tổng số tiết kiệm năng lượng tính bằng MWh / năm				
Tổng số tiết kiệm năng lượng hàng năm tính theo tỷ lệ phần trăm				
Cắt giảm CO2 hàng năm tính bằng tấn				

5. Phân tích kinh tế tài chính

Bên vay cần điền vào bảng tính phân tích tài chính do PMB cung cấp để Ngân hàng Thế giới xem xét và phát hành không phân đối. Đây là phần cần được hoàn thành *bổ sung thêm* cho tất cả những gì do PFI yêu cầu theo thủ tục soát xét chi tiết thương mại thông thường của PFI.

Bảng 1: Các giả định kinh tế vĩ mô

Bên đề xuất dự án cần nhập dự tính của mình đối với lạm phát đồng Việt Nam và đô la Mỹ, và suy giảm hối đoái.

Mặc định là suy giảm hối đoái được dựa trên tỷ lệ lạm phát của đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Bên đề xuất dự án không nên ghi đề lên công thức này trừ khi họ có thể có giải thích khác. Điều này sẽ được đánh giá một cách cẩn thận trong trường hợp bên đề xuất dự án giả định rủi ro hối đoái khi vay bằng đô la Mỹ.

Bảng 2: Các giả định của dự án

Các giả định của dự án được nhập vào các cột trong bảng này, được đánh số [1], [2], ... Bộ giá trị được lựa chọn trong ô F22, và số liệu thực tế cho tính toán sẽ xuất hiện trong cột F. Cột F bao gồm các công thức và không được viết đề lên đó! Cần lưu ý các điểm sau:

Nợ

Mô hình này được thiết lập cho đồng tiền vay bằng đô la Mỹ, đồng Việt Nam hoặc cả hai đồng tiền trên: phần nợ bằng đô la Mỹ trong tổng nợ được nhập vào dòng [8]. Lãi suất tương ứng và thanh toán nợ là

Tăng giá nhiên liệu VND

Trong các dòng [25]-[31], nhập giá của năm cơ sở mà bên vay phải trả để mua nhiên liệu, cùng với tốc độ tăng giá giả định. Nếu không muốn giả định một mức tăng giá cố định nào đó, giá trong tương lai có thể được nhập trực tiếp vào các dòng [7], [15] và [19] trong Bảng 3, viết đề các giá trị số liệu lên công thức.

Bên đề xuất dự án có thể dựa vào dự tính của mình đối với giá dầu và than trong tương lai của thế giới và Việt Nam, và dự tính giá điện theo đánh giá của mình. Đối với giá điện, bên đề xuất dự án cần lưu ý rằng cải cách giá điện trong tương lai có thể có phần giá công suất, do đó lợi ích của các biện pháp tiết kiệm điện có thể chỉ tránh được phí biến đổi, lúc đó giá này có thể thấp hơn mức giá chỉ bao gồm điện năng như hiện nay.

Về vấn đề này, bên đề xuất dự án có thể tham khảo hướng dẫn trong hầu hết các báo cáo gần đây của tư vấn về cải cách giá điện, mức phí biến đổi khoảng 1,250 VND/kWh là một mức giá mang tính hướng dẫn.

Bảng 4: Báo cáo lãi/lỗ

Giả định mặc nhiên là khấu hao theo đường thẳng trong 20 năm, với giá trị khấu hao bằng tổng chi phí vốn (như được nhập vào dòng [2] bảng 2). Không xem xét đến khấu hao nhanh. Trong bảng này, có thể viết đề lên thời gian khấu hao, hoặc nhập một số giá trị khấu hao khác nếu cần (trong dòng [11] và [12] Bảng 4. Ngoài ra, với một phương pháp khấu hao khác hoặc điều kiện khấu hao đặc biệt, giá trị khấu hao có thể nhập trực tiếp vào dòng [6].

Không giả định có ưu đãi về thuế cụ thể nào trong tính toán mặc định, do đó toàn bộ thu nhập ròng

Bảng 5: Trả nợ

Các tính toán giả định khoản nợ gốc được trả cố định định kỳ hàng năm. Trong trường hợp có phương pháp khác thỏa thuận giữa bên đề xuất dự án và ngân hàng thương mại, kế hoạch trả nợ gốc có thể nhập vào dòng [4] và dòng [11], viết đề lên giá trị mặc định thể hiện trên đó.

IDC được tính theo cách thông thường (là tiền lãi trên dư nợ bình quân hàng năm). Công thức ở trong các ô màu xanh lá cây trong dòng [6] và [14] có thể viết đề lên bằng các giá trị thực tế.

Nếu IDC được vốn hóa (tức là được bao gồm trong tổng vốn vay), khi đó cần lưu ý nhập vào tương ứng trong Bảng 2 – dòng [3] và [4]. Nếu một trong hai giá trị này được nhập vào không phải là 0

thì không có tính toán IDC trong Bảng 5.

Không được xóa trộn hay xóa các giá trị đã nhập trong dòng 8 của sheet {model}. Các giá trị này được sử dụng để tính toán trả nợ gốc trong bảng 5!

Tính toán thời gian hoàn vốn tiết kiệm năng lượng:

Tất cả các tiêu dự án hợp lệ cần đảm bảo rằng dòng tiền dự kiến thu được từ tiết kiệm năng lượng liên quan tới tiêu dự án là đủ để trang trải các chi phí đầu tư tiêu dự án (bao gồm cả lãi trong thời gian xây dựng) trong vòng mười năm, căn cứ vào công thức tính thời gian hoàn vốn (PBP) giản đơn như sau.

Thời gian hoàn vốn tiết kiệm năng lượng sẽ được tính như sau:

$$\text{Thời gian hoàn vốn tiết kiệm năng lượng} = \frac{\text{Tổng chi phí đầu tư tiêu dự án}}{\text{Dòng tiền bình quân hàng năm từ tiết kiệm năng lượng}}$$

Các dự án công nghiệp

Đối với các dự án công nghiệp, dòng tiền hàng năm từ tiết kiệm năng lượng là phần của tiêu dự án trong tổng dòng tiền hàng năm (bao gồm toàn bộ lợi ích và chi phí) có được chỉ từ tiết kiệm năng lượng. Một tiêu dự án có thể có các lợi ích và chi phí không liên quan đến năng lượng không được đưa vào tính toán này.

Dòng tiền hàng năm từ tiết kiệm năng lượng =

$$[(Pa/Pb) \times \text{chi tiêu năng lượng bình quân hàng năm của 2 năm trước tiêu dự án}] - [\text{chi tiêu năng lượng hàng năm sau khi có tiêu dự án}]$$

Trong đó, Pa = sản lượng hàng năm (đầu ra) dự kiến sau khi có tiêu dự án; và

Pb = sản lượng bình quân hàng năm (đầu ra) của 2 năm trước tiêu dự án

Hơn nữa, dòng tiền trung bình hàng năm từ tiết kiệm năng lượng sẽ là mức trung bình của tiết kiệm như vậy trong mười năm đầu tiên khi tiêu dự án đã được thực hiện xong hoàn toàn và vận hành. Lợi ích (thiệt hại) dòng tiền hàng năm do nâng cao hiệu quả năng lượng liên quan tới tiêu dự án cần được tính là lượng năng lượng dự kiến tiết kiệm được do dự án trong năm đã cho nhân với giá mua bán năng lượng bình quân dự kiến đối với doanh nghiệp vay vốn trong năm đó đối với từng loại năng lượng tiết kiệm được (sử dụng điện, than,...). Nếu tiêu dự án nhận được tài chính carbon, thì những lợi ích từ tín dụng carbon cần được tính vào là một lợi ích có được từ tiết kiệm năng lượng.

Doanh nghiệp vay vốn sẽ trình nộp số lượng vật lý và giá cả thực tế trong quá khứ đối với năng lượng đã tiêu thụ và để sản xuất đầu ra trong hai năm trước đó (nếu có), và cũng sẽ cung cấp các dự báo cho sản lượng sản xuất và tiêu dùng năng lượng (cả về số lượng và giá cả cho từng loại năng lượng) cho ít nhất mười năm tới. Nhóm thẩm định của PFI có thể sửa đổi các dự báo dựa trên đánh giá kỹ thuật và tài chính của họ. Nhóm thẩm định sẽ tính toán thời gian hoàn vốn tiết kiệm năng lượng để đảm bảo rằng các yêu cầu đối với thời gian hoàn vốn của tiêu dự án TKNL dưới 10 năm được đáp ứng.

Ví dụ tiêu dự án: Phục hồi cải tạo dây chuyền sản xuất Polyvinyl Alcohol (PVA)

Một tiêu dự án nhằm nâng cao hiệu quả năng lượng của doanh nghiệp thông qua khôi phục cải tạo (a) Dây chuyền sản xuất PVA của mình, (b) hệ thống làm mát không khí, và (c) nhà máy nhiệt và điện kết hợp (CHP) tận dụng nhiệt thải thu hồi được để tăng phát điện và do đó làm giảm lượng mua điện lưới.

Giá định chính của tính toán tài chính bao gồm:

- Tổng chi phí đầu tư: 50 triệu nhân dân tệ
- Giảm lượng điện lưới phải mua hàng năm: 4 GWh. Giả sử công ty phải mua điện giá 0,4 nhân dân tệ/kWh, khi đó lợi ích từ giảm chi phí cho điện là 1,6 triệu nhân dân tệ mỗi năm
- Chi phí vận hành và bảo dưỡng của tiêu dự án gia tăng hàng năm (cả cố định và biến đổi): 2,0 triệu nhân dân tệ (4% tổng chi phí đầu tư)
- Hơi nước tiết kiệm hàng năm 150.000 tấn, dẫn tới giảm sử dụng than đá để sản xuất hơi nước là 15.000 tấn. Giả sử giá than là 500 nhân dân tệ/tấn, tức là lợi ích từ tiết kiệm than 7,5 triệu nhân dân tệ mỗi năm
- Tiết kiệm không liên quan đến năng lượng: tiêu dự án cũng dự kiến sẽ giảm lượng nước cần có để tuần hoàn và ngưng tụ, dẫn đến lợi ích hàng năm là 5,3 triệu nhân dân tệ
- Tăng sản xuất điện từ nhiệt thải thu hồi được và tránh được sử dụng than đá để tạo ra hơi từ tiêu dự án dự kiến sẽ giảm lượng phát thải cacbon 50.000 tấn mỗi năm
- Giá trị thị trường tín dụng carbon giả định: 10 US\$/tấn, mang lại lợi ích từ tín dụng carbon hàng năm khoảng 3,9 triệu nhân dân tệ (giả định tỷ giá hối đoái 7.8 nhân dân tệ/US\$)
- Thời kỳ sống kinh tế của nhà máy: 20 năm

Năm	-1	1	2	3-----	-----20
Lợi ích của tiêu dự án (triệu nhân dân tệ)					
Tiết kiệm Điện		1,6	1,6	1,6	1,6
Tiết kiệm sản xuất hơi nước		7,5	7,5	7,5	7,5
Tín dụng carbon		3,9	3,9	3,9	3,9
Ngoài năng lượng: tiết kiệm nước		5,3	5,3	5,3	5,3
Chi phí tiêu dự án (triệu nhân dân tệ)					
Chi phí đầu tư	- 50,0				
Chi phí hoạt động		-2,0	-2,0	-2,0	-2,0
Dòng tiền tiêu dự án (triệu nhân dân tệ)					
Nếu không có tín dụng carbon	-50,0	12,4	12,4	12,4	12,4
Có tín dụng carbon	-50,0	16,3	16,3	16,3	16,3
Dòng tiền tiết kiệm năng lượng (triệu nhân dân tệ)					
Nếu không có tín dụng carbon		7,1	7,1	7,1	7,1
Có tín dụng carbon		11,0	11,0	11,0	11,0

Trong ví dụ trên, dòng tiền tiết kiệm năng lượng thấp hơn so với tổng dòng tiền của tiêu dự án do tiêu dự án cũng cung cấp tiết kiệm dưới dạng lượng nước đầu vào giảm. Hơn nữa, nếu tiêu dự án có thể tận dụng lợi thế tài chính carbon thì nó sẽ giúp tăng cả dòng tiền liên quan đến tiết kiệm năng lượng và tổng dòng tiền của tiêu dự án.

Ở đây, tổng chi phí đầu tư = 50 triệu nhân dân tệ²

Dòng tiền tiết kiệm năng lượng trung bình hàng năm không có tín dụng carbon = 7,1 triệu nhân dân tệ

Dòng tiền tiết kiệm năng lượng trung bình hàng năm có tín dụng carbon = 11,0 triệu nhân dân tệ

Do đó,

Thời gian hoàn vốn của tiết kiệm năng lượng không có lợi ích tín dụng carbon = $50 / 7,1 = 7,04$ năm, và

Thời gian hoàn vốn của tiết kiệm năng lượng có lợi ích tín dụng carbon = $50 / 11,0 = 4,55$ năm

Cả hai đều dưới ngưỡng thời gian hoàn vốn tối đa 10 năm và do đó đáp ứng yêu cầu hợp lệ về thời gian hoàn vốn cho tiết kiệm năng lượng.

Các tiêu dự án ESCO

Đối với các tiêu dự án ESCO, dòng tiền hàng năm từ tiết kiệm năng lượng là một phần của tổng dòng tiền của tiêu dự án (bao gồm tất cả các lợi ích và chi phí) đối với ESCO dựa trên hợp đồng

² Nếu đầu tư dự án kéo dài trong một số năm, dùng tổng chi phí đầu tư không khấu hao cho tính toán này.

dựa vào kết quả thực hiện năng lượng giữa ESCO và khách hàng. Một tiểu dự án có thể có các lợi ích và chi phí không liên quan đến năng lượng đó sẽ không được đưa vào tính toán này.

Ví dụ tiểu dự án – Tiết kiệm năng lượng ở Nhà máy thép

Trong ví dụ tiểu dự án này một ESCO đang làm việc với một nhà máy thép để nâng cao hiệu quả năng lượng bằng cách đưa vào ba giải pháp:

- Phát điện từ nhiệt thải
- VFD trên động cơ quạt
- Cải tạo tháp làm mát

Những biện pháp này được tóm tắt dưới đây:

STT	Mô tả	Công nghệ sử dụng	Chi phí đầu tư	% Tiết kiệm	Tiết kiệm năng lượng	Tiết kiệm chi phí	Thời gian hoàn vốn gián đơn
1	Phát điện từ nhiệt thải	Thu hồi nhiệt thải	70 triệu	-	37 triệu kWh	22 triệu Nhân dân tệ	3,2 năm
2	VFD cho động cơ quạt	VFD	16 triệu	35%	8.000.000 kWh	4,8 triệu Nhân dân tệ	3,7 năm
3	Cải tạo tháp làm mát	Khôi phục cải tạo	7.000.000	20%	2,5 triệu kWh	1,5 triệu Nhân dân tệ	4,7 năm
Tổng	-	-	93 triệu	-	70,7 triệu kWh	28,3 triệu Nhân dân tệ	3,3 năm

Đối với các tiểu dự án ESCO, hai con số hoàn vốn có thể tính toán. Đầu tiên là hoàn vốn tiểu dự án, được tính bằng tỷ lệ giữa tổng mức đầu tư dự án với tiết kiệm năng lượng trung bình hàng năm. Thứ hai là hoàn vốn gián đơn đối với ESCO, được tính bằng tỷ lệ giữa tổng mức đầu tư dự án với dòng tiền tiết kiệm năng lượng đối với ESCO.

Như có thể thấy từ Bảng trên, tiểu dự án TKNL này có tổng vốn đầu tư ước tính 93 triệu nhân dân tệ và chi phí tiết kiệm năng lượng ước tính là 28,3 triệu nhân dân tệ, dẫn tới thời gian hoàn vốn gián đơn của tiểu dự án là 3,3 năm.

Cấu trúc của tiểu dự án ESCO được mô tả như dưới đây:

- ESCO ký hợp đồng thực hiện 7 năm với khách hàng, theo đó ESCO nhận được 75% số tiền tiết kiệm được và khách hàng giữ lại 25%.
- ESCO đầu tư 30% chi phí dự án dưới dạng vốn chủ sở hữu và vay phần còn lại từ ngân hàng
- Thời hạn vay là 7 năm và lãi suất là 12%.

Phân tích kinh tế tiểu dự án được trình bày như sau:

	Year											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	---	20	
Sub-project Investment	93.0											
ESCO Equity Investment	27.9											
ESCO Bank Loan	65.1											
Sub-project Benefits - Customer												
Energy Savings	28.3	28.3	28.3	28.3	28.3	28.3	28.3	28.3	28.3	---	28.3	
Share of Savings to Customer	7.1	7.1	7.1	7.1	7.1	7.1	7.1	7.1	28.3	28.3	---	28.3
Sub-project Benefits - ESCO												
Share of Savings to ESCO	21.2	21.2	21.2	21.2	21.2	21.2	21.2	21.2	21.2	21.2	---	21.2
Debt Service (7 years @ 12%)	13.8	13.8	13.8	13.8	13.8	13.8	13.8	0.0	0.0	---	0.0	
Net Cash Flow to ESCO	7.4	7.4	7.4	7.4	7.4	7.4	7.4	0.0	0.0	---	0.0	
Project Simple Payback	3.3											
ESCO Simple Payback before financing	4.4											
ESCO Simple Payback after financing	3.8											
Ratio of Sub-project Savings to Debt Service	2.1											
Ratio of ESCO Cash Flow to Debt Service	1.5											

Phân tích tài chính chỉ ra như sau:

- Tiết kiệm năng lượng hàng năm là 28,3 triệu nhân dân tệ
- Phần tiết kiệm năng lượng cho khách hàng là 7,1 triệu nhân dân tệ cho 7 năm đầu tiên và 28,3 triệu nhân dân tệ cho thời gian sau đó.
- Phần tiết kiệm năng lượng cho ESCO là 21,2 triệu nhân dân tệ cho 7 năm
- Trả nợ từ ESCO là 13,8 triệu nhân dân tệ trong 7 năm.
- Thời gian hoàn vốn giản đơn của tiểu dự án là 3,3 năm.
- Thời gian hoàn vốn giản đơn của ESCO trước vay vốn (tính theo tổng vốn đầu tư 93 triệu chia cho dòng tiền tiết kiệm năng lượng của ESCO 21,2 triệu đồng) là 4,4 năm.
- Thời gian hoàn vốn giản đơn của ESCO sau vay vốn (tính theo đầu tư vốn chủ sở hữu của ESCO là 27,9 triệu chia cho dòng tiền ròng sau trả nợ 7,4 triệu USD) là 3,8 năm.

Tóm lại,

- Hệ số tiết kiệm năng lượng tiểu dự án trên trả nợ là 2,1.
- Hệ số dòng tiền từ tiết kiệm năng lượng của ESCO trên trả nợ là 1,5.

Cả hai hệ số này và thời gian hoàn vốn đều đáp ứng ngưỡng tiết kiệm năng lượng theo quy định.

Tiểu dự án tòa nhà

Đối với các tiểu dự án tòa nhà, dòng tiền hàng năm từ tiết kiệm năng lượng là một phần của tổng dòng tiền hàng năm của tiểu dự án (bao gồm tất cả các lợi ích và chi phí) chỉ có được từ tiết kiệm năng lượng trong tòa nhà. Một tiểu dự án có thể có các lợi ích và chi phí không liên quan tới năng lượng sẽ không được đưa vào tính toán này.

Ví dụ tiểu dự án – Tòa nhà tiết kiệm năng lượng

Dự án này bao gồm 3 giải pháp tiết kiệm năng lượng ở một tổ hợp văn phòng lớn:

- Trang bị thêm chiếu sáng
- Cải thiện hệ thống điều hòa không khí
- Biến tần cho máy bơm và quạt

Các biện pháp này được tóm tắt như dưới đây:

STT	Mô tả	Công nghệ sử dụng	Chi phí đầu tư	Tiết kiệm năng lượng	Tiết kiệm chi phí	Thời gian hoàn vốn giản đơn	Tuổi thọ
1	Chiếu sáng	CFL, đèn T-5; biển báo Lối thoát đèn LED	2,5 triệu	2 triệu kWh	1,2 triệu Nhân dân tệ	2,1 năm	5 năm
2	Điều hòa không khí	Thay thế bộ phận làm lạnh & điều khiển	15 triệu	5 triệu kWh	3,0 triệu Nhân dân tệ	5,0 năm	15 năm
3	Máy bơm và quạt	Khôi phục cải tạo	6 triệu	2,5 triệu kWh	1,5 triệu Nhân dân tệ	3,8 năm	10 năm
Tổng	-	-	23,5 triệu	10,5 triệu kWh	5,7 triệu Nhân dân tệ	4,1 năm	-

Đối với các tiểu dự án tòa nhà, thời gian hoàn vốn của tiểu dự án được tính bằng tỷ số giữa tổng mức đầu tư dự án và tiết kiệm năng lượng trung bình hàng năm.

Như có thể thấy từ Bảng trên, tiểu dự án tòa nhà tiết kiệm năng lượng này có tổng chi phí đầu tư ước tính 23,5 triệu nhân dân tệ và chi phí tiết kiệm năng lượng ước tính là 5,7 triệu nhân dân tệ, thời gian hoàn vốn giản đơn của tiểu dự án này là 4,1 năm. Các nguồn tài chính của tiểu dự án được mô tả như dưới đây:

- Bên vay đầu tư 30% chi phí dự án dưới dạng vốn chủ sở hữu và vay phần còn lại từ ngân hàng
- Thời hạn vay là 7 năm và lãi suất là 12%.

Phân tích tài chính của tiểu dự án được trình bày dưới đây:

	Year															
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	9	10	11	12	13	14	15
Sub-project Investment	23.5															
Sub-borrower Equity Investment	7.1															
Sub-project Bank Loan	16.5															
Net Energy Savings Cash Flow																
Lighting	1.2	1.2	1.2	1.2	1.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
Air conditioning	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
Pumps and Fans	1.5	1.5	1.5	1.5	1.5	1.5	1.5	1.5	1.5	1.5	1.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
Total	5.7	5.7	5.7	5.7	5.7	4.5	4.5	4.5	4.5	4.5	4.5	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
Debt Service (7 years @ 12%)	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
Average Energy Cost Savings - Life of Loan	5.4															
Project Simple Payback	4.4															
Ratio of Sub-project Savings to Debt Service	1.5															

Phân tích tài chính cho thấy:

- Tiết kiệm năng lượng hàng năm là 5,7 triệu nhân dân tệ cho 5 năm đầu tiên và 4,5 triệu cho 5 năm tiếp theo và 3,0 triệu đồng cho 5 năm sau đó nữa.
- Thanh toán trả nợ từ bên vay là 3,5 triệu nhân dân tệ trong 7 năm.
- Dòng tiền tiết kiệm năng lượng bình quân trong 7 năm để trả nợ là 5,4 triệu nhân dân tệ.

- Thời gian hoàn vốn giảm đơn tiêu dự án (được tính là chi phí đầu tư tiêu dự án chia cho dòng tiền tiết kiệm năng lượng trung bình) là 4,4 năm.
- Hệ số tiết kiệm năng lượng trung bình của tiêu dự án trên trả nợ là 1,5

Cả hai hệ số trên và thời gian hoàn vốn đáp ứng các ngưỡng tiết kiệm năng lượng theo quy định

6. Nghiên cứu khả thi tiêu dự án TKNL

Doanh nghiệp vay có trách nhiệm lập báo cáo khả thi tiêu dự án để nộp lên PFI. Doanh nghiệp vay sẽ trình hoặc dự thảo hoặc bản chính thức báo cáo khả thi cùng với hồ sơ xin vay lại. Doanh nghiệp vay cần cung cấp bản chính thức của nghiên cứu khả thi trước hoặc trong Giai đoạn thẩm định.

Hồ sơ nghiên cứu khả thi tiêu dự án cần phải bao gồm (a) đánh giá tính khả thi về kỹ thuật của tiêu dự án, (b) kế hoạch thực hiện về kỹ thuật, (c) ước tính chi phí đầu tư và chi tiết chi phí, (d) nghiên cứu kiểm toán năng lượng đường cơ sở trước khi thực hiện tiêu dự án và dự kiến năng lượng tiết kiệm được, và (e) đánh giá tác động môi trường của tiêu dự án và các biện pháp giảm thiểu (nếu cần). Các thành phần này của nghiên cứu khả thi có thể dưới dạng một hoặc một số báo cáo; được thực hiện bởi một hoặc nhiều bên.

Đối với dự án ESCO và dự án TKNL trong tòa nhà, có thêm một yêu cầu nữa là kiểm toán năng lượng đường cơ sở và nghiên cứu khả thi phải do một kiểm toán năng lượng đạt yêu cầu sử dụng các tiêu chuẩn kiểm toán chuyên nghiệp thực hiện. Doanh nghiệp vay phải gửi thông tin về trình độ và chứng nhận của kiểm toán viên và các chuẩn mực kiểm toán được kiểm toán viên sử dụng.

- Đánh giá kỹ thuật tiêu dự án** – phân tích lý do và lợi ích của tiêu dự án; đánh giá việc cải tạo và khôi phục về kỹ thuật bao gồm đánh giá và so sánh các phương án thiết kế hệ thống, các phương án quy trình và công nghệ chính và các lựa chọn về thiết bị; độ tin cậy, hiệu quả và tính tương thích của thiết kế, công nghệ, quy trình, thiết bị và sản phẩm của hệ thống mới với hệ thống hiện có; và các thay đổi dự kiến về yêu cầu kỹ thuật và các chỉ số (về công nghệ, quy trình, thiết bị, hệ thống, sản phẩm, công suất sản xuất) trước và sau dự án.
- Kế hoạch thực hiện tiêu dự án** – kế hoạch thực hiện tiêu dự án và các bên khác nhau dự kiến tham gia vào thực hiện tiêu dự án; và phân tích những hạn chế và thách thức đối với thực hiện và các biện pháp giảm thiểu được kiến nghị.
- Chi phí đầu tư tiêu dự án** – phân tích các loại chi phí thiết bị, xây lắp và tư vấn liên quan tới tiêu dự án, và làm cơ sở cho dự toán chi phí; đánh giá tổng mức đầu tư, bao gồm lãi trong thời gian xây dựng và chi phí dự phòng.
- Kiểm toán năng lượng đường cơ sở và năng lượng tiết kiệm được, nếu cần** – nghiên cứu và phân tích sử dụng năng lượng của doanh nghiệp hưởng lợi hoặc của bên liên quan, nhà máy hoặc khu vực của doanh nghiệp hưởng lợi nơi thực hiện tiêu dự án để thiết lập dữ liệu tiêu thụ năng lượng đường cơ sở. Dữ liệu đường cơ sở phải bao gồm các dữ liệu về tất cả các dạng năng lượng tiêu thụ trong thời gian một năm, tốt nhất là cho hai năm gần nhất. Ngoài khối lượng năng lượng tiêu thụ, chỉ tiêu bình quân trong thời gian đó cho mỗi dạng năng lượng cũng cần được tính toán. Tiêu thụ năng lượng cho tất cả các dạng năng lượng sau khi thực hiện dự án và các giả định làm căn cứ để ước tính cũng cần được nêu chi tiết.
- Phương pháp đo đạc và xác minh** – đánh giá kế hoạch đo đạc và xác minh để đảm bảo phù hợp với phương pháp M&V được chấp nhận rộng rãi.

Phụ đính: Hướng dẫn lập Báo cáo thẩm định

Dưới đây là hướng dẫn được lập để hỗ trợ cho Nhóm thẩm định lập Báo cáo thẩm định.

I. Mô tả về doanh nghiệp vay vốn

- Loại doanh nghiệp vay vốn (như doanh nghiệp công nghiệp, ESCOs, chủ tòa nhà và những người sử dụng cuối của chính quyền đô thị)
- Doanh nghiệp công nghiệp:
 - Giới thiệu tổng thể về doanh nghiệp vay vốn: năm hoạt động, vốn điều lệ, quy mô hoạt động, vị trí trong ngành,...
 - Cơ cấu tổ chức và quản lý của doanh nghiệp vay vốn: cơ cấu tổ chức, danh sách Ban giám đốc và ủy ban điều hành cao cấp, quản lý tài chính và thông tin,...
 - Mối quan hệ giữa bên vay và PFI: khoản vay trước đây, thanh toán nợ, hạn mức tín dụng hiện tại, mối quan hệ với các tổ chức tài chính khác.
- ESCOs
 - Giới thiệu tổng thể về doanh nghiệp vay vốn: năm hoạt động, vốn điều lệ, quy mô hoạt động, vị trí trong lĩnh vực ESCO,...
 - Cơ cấu tổ chức và quản lý của doanh nghiệp vay vốn: cơ cấu tổ chức, danh sách Ban giám đốc và ủy ban điều hành cao cấp, quản lý tài chính và thông tin,...
 - Mối quan hệ giữa bên vay và PFI: khoản vay trước đây, thanh toán nợ, hạn mức tín dụng hiện tại, mối quan hệ với các tổ chức tài chính khác
 - Mô tả doanh nghiệp nhận đầu tư: loại hình doanh nghiệp, năm hoạt động, vốn điều lệ, cơ cấu tổ chức và quản lý.
- Chủ/đơn vị sử dụng cuối/đơn vị vận hành hệ thống sưởi & làm mát tòa nhà:
 - Đối tượng vay (chủ tòa nhà, municipal end user, trường học/bệnh viện, đơn vị vận hành hệ thống sưởi hoặc làm mát)
 - Mô tả (các) thiết bị dự án
 - Ngày xây dựng
 - Vị trí: địa chỉ và mô tả khu vực xung quanh (như kiểu tòa nhà – dân cư, thương mại hay các tòa nhà hành chính của chính quyền)
 - Cơ cấu tổ chức và quản lý của bên vay, bao gồm Ban giám đốc và/hoặc cơ cấu quản lý,
 - Mối quan hệ giữa bên vay và PFI: khoản vay trước đây, thanh toán nợ, hạn mức tín dụng hiện tại, mối quan hệ với các tổ chức tài chính khác.

II. Hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay và đánh giá tài chính

A. Đối với bên vay là doanh nghiệp công nghiệp

- Đánh giá các chỉ số công nghiệp của bên vay, xu hướng, triển vọng và vị trí trên thị trường; đánh giá thể mạnh về quản lý của bên vay và cơ cấu quản trị doanh nghiệp; phân tích các rủi ro kinh doanh chính
- Phân tích hướng dẫn và chính sách của nhà nước đối với ngành, hướng dẫn và chính sách của PFI đối với ngành
- Tình hình tài chính của bên vay: xem xét dựa trên phân tích toàn diện báo cáo tài chính của bên vay – cơ cấu vốn, lợi nhuận hoạt động, tăng trưởng doanh số, khả năng trả nợ, tính thanh khoản,....

B. Đối với bên vay là ESCO

- Đánh giá vị trí trên thị trường của bên vay, cơ sở khách hàng, kinh nghiệm trước đây, kết quả thực hiện trước đây trong các dự án ESCO, đánh giá thể mạnh quản lý và cơ cấu

quản trị doanh nghiệp; phân tích các rủi ro kinh doanh chính

- Xem xét hướng dẫn và chính sách của nhà nước đối với lĩnh vực ESCO, hướng dẫn và chính sách của PFI đối với lĩnh vực này
- Tình hình tài chính của bên vay: xem xét dựa trên phân tích toàn diện báo cáo tài chính của bên vay – cơ cấu vốn, lợi nhuận hoạt động, tăng trưởng doanh số, khả năng trả nợ, tính thanh khoản,...
- Báo cáo tài chính được kiểm toán cho 3 năm qua
- Kinh nghiệm dự án trước đây (dưới dạng bảng như Hình F-2)
 - Kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự
 - Kết quả thực hiện các dự án đó
 - Tham chiếu các dự án đó

THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRƯỚC ĐÂY CỦA ESCO

Tên đơn vị sử dụng cuối	
Thông tin liên lạc của người sử dụng cuối	
Loại thiết bị	
Năm lắp đặt	
Mô tả tóm tắt dự án	
Công nghệ lắp đặt	
Tổng chi phí thực hiện	
Tổng giá trị khoản vay	
Tên của Bên cho vay	
Thời hạn cho vay	
Năng lượng tiết kiệm dự kiến/năm	
Năng lượng Tiết kiệm thực tế/năm	
Cách thức đo đạc	
Chi phí tiết kiệm năng lượng/năm	
Chi phí khác tiết kiệm được/năm	
Tổng số tiết kiệm chi phí/năm	
% Tiết kiệm cho ESCO	
Dòng tiền dự kiến đối với ESCO/năm	
Dòng tiền thực tế đối với ESCO/năm	

Trả nợ khoản vay/Năm	
Hệ số dòng tiền/trả nợ	
Thời hạn của hợp đồng thực hiện	

C. Đối với bên vay là chủ tòa nhà

- Đánh giá các chỉ số chính trong ngành của bên vay, xu hướng, triển vọng và vị trí trên thị trường; đánh giá thế mạnh về quản lý của bên vay và cơ cấu quản trị doanh nghiệp; phân tích các rủi ro kinh doanh chính
- Phân tích hướng dẫn và chính sách của nhà nước đối với ngành, hướng dẫn và chính sách của PFI đối với ngành
- Tình hình tài chính của bên vay: xem xét dựa trên phân tích toàn diện báo cáo tài chính của bên vay – cơ cấu vốn, lợi nhuận hoạt động, tăng trưởng doanh số, khả năng trả nợ, tính thanh khoản,...
- Kinh nghiệm của bên vay trong những dự án tương tự
 - Loại thiết bị
 - Mô tả tóm tắt
 - Công nghệ được lắp đặt
 - Chi phí thực hiện
 - Mức tiết kiệm đạt được

III. Mô tả tiêu dự án

A. Đối với tất cả các bên vay

- Mô tả về dự án đề xuất,
- Tóm tắt chi phí đầu tư tiêu dự án, kế hoạch tài chính và giá trị khoản vay lại đề xuất
- Liệt kê các biện pháp tiết kiệm năng lượng của tiêu dự án (EEMs) – sử dụng mẫu trong Bảng 4-2

Bảng 4-2: CÁC BIỆN PHÁP TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG CỦA TIÊU DỰ ÁN

STT	Mô tả	Công nghệ sử dụng	Chi phí đầu tư	%Tiết kiệm	Tiết kiệm năng lượng	Tiết kiệm chi phí	Thời gian hoàn vốn giản đơn
1							
2							
3							
4							
5							
Tổng	-	-		-			

- Bản sao báo cáo Nghiên cứu khả thi, Thông tin về năng lực của đơn vị lập Nghiên cứu khả thi; và
- Nếu cần, Kiểm toán năng lượng đường cơ sở, Thông tin về năng lực và chứng chỉ của bên kiểm toán năng lượng, và Thông tin về chuẩn mực kiểm toán do bên kiểm toán năng lượng sử dụng khi thực hiện Kiểm toán năng lượng đường cơ sở

B. Thông tin bổ sung yêu cầu đối với bên vay lại là ESCO

- Bản sao Hợp đồng thực hiện năng lượng giữa ESCO và đơn vị sử dụng cuối
- Mô tả các điều khoản chính của hợp đồng
 - Mô tả bảo lãnh thực hiện/tiết kiệm được cung cấp
 - Mô tả các quy định về tỷ lệ tiết kiệm
 - Mô tả phương pháp đo đạc và xác minh thực hiện và tiết kiệm
- Nhận diện các nhà thầu phụ bao gồm đối tác Thiết kế-Mua sắm-Xây dựng và tóm tắt về năng lực và kinh nghiệm của họ đối với các dự án tương tự
- Mô tả phương pháp sử dụng lựa chọn nhà thầu phụ
- Thông tin về người sử dụng cuối
 - Loại hình kinh doanh
 - Năm kinh doanh
 - 3 năm tài chính được kiểm toán
 - Mô tả soát xét chi tiết do ESCO thực hiện
 - Nếu lý do tại sao ESCO tin người sử dụng cuối sẽ tiếp tục kinh doanh trong thời gian hạn vay vốn.

IV. Đánh giá kỹ thuật tiểu dự án

- Dựa vào nghiên cứu khả thi tiểu dự án do bên vay lập
- Xem xét tiểu dự án, bao gồm chi tiết việc khôi phục, cải tạo được tiến hành, công nghệ sẽ được sử dụng, năng lực thực hiện, vị trí tiểu dự án, mô tả thiết bị của tiểu dự án, đầu ra dự kiến và lịch trình thực hiện của tiểu dự án
- Đánh giá lý do thiết kế/phương pháp tiếp cận kỹ thuật được lựa chọn; xác nhận độ tin cậy và hiệu quả của công nghệ, và kết quả thực hiện ở các dự án khác;
- Đánh giá kết quả thực hiện kỹ thuật và tiết kiệm năng lượng dự kiến, và phân tích tiết kiệm năng lượng dự kiến từ tiểu dự án
- Xác nhận sự tuân thủ các tiêu chí hợp lệ về kỹ thuật

V. Đánh giá tài chính của tiểu dự án

A. Đối với tất cả các bên vay

- Phân tích khả thi về tài chính của tiểu dự án – tính toán hệ số nội hoàn tài chính (FIRR) đối với khoản đầu tư
- Phân tích tác động lên khả năng sinh lời, dòng tiền và bảng cân đối kế toán của bên vay

B. Đánh giá bổ sung đối với bên vay là ESCO

- Phân tích tác động lên dòng tiền ròng và khả năng sinh lời của đơn vị sử dụng cuối trong toàn bộ thời hạn của khoản vay lại
- Tổng chi phí bao gồm cả lãi trong thời gian xây dựng
- Điều khoản của hợp đồng thực hiện: trả nợ, phân chia năng lượng tiết kiệm được giữa ESCO và đơn vị sử dụng cuối; dòng tiền của ESCO
- Mức độ bảo lãnh tiết kiệm năng lượng và cách thức security backing such

guarantTKNLs

- Năng lượng tiết kiệm dự kiến và tiết kiệm chi phí năng lượng – theo từng năm
- Tiết kiệm các chi phí khác dự kiến – theo từng năm
- Tổng chi phí tiết kiệm dự kiến – theo từng năm
- Tỷ lệ tiết kiệm đối với - theo từng năm
- Tỷ lệ tiết kiệm đối với đơn vị sử dụng cuối – theo từng năm
- Giá trị khoản nợ
- Chi phí trả nợ - theo từng năm
- Chi phí M & V – theo từng năm
- Hệ số tổng chi phí tiết kiệm trên trả nợ - theo từng năm
- Hệ số tổng chi phí tiết kiệm của ESCO trên trả nợ - theo từng năm
- Phương pháp đo đạc và xác minh (M&V) đề xuất

VI. Chí phí, kế hoạch tài chính và trả nợ của tiểu dự án

- Chi tiết về chi phí tiểu dự án theo thành phần, bóc tách theo chi phí ngoại tệ và VND với giá cả và dự phòng vật lý phù hợp, yêu cầu vốn lưu động gia tăng, và chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng
- Bao gồm các căn cứ và các giả thiết cho dự toán chi phí (nghiên cứu khả thi, ngân sách/báo giá của nhà cung cấp, thời điểm dự toán cơ sở, v.v)
- Phân tích các nguồn tài trợ cho các tiểu dự án, bao gồm cả giá trị khoản tài trợ và độ tin cậy của vốn từ mỗi nguồn
- Đóng góp của PFI vào tổng giá trị khoản vay lại vay yêu cầu cho tiểu dự án
- Phân tích về tính xác thực của các mục đích vay và thông tin cơ sở của nó, bao gồm cả tính xác thực của loại cho vay, mục đích và tình hình tuân thủ và thông tin cơ sở của nó; và
- Phân tích về kế hoạch trả nợ, nguồn và rủi ro.
 - Tiết kiệm dự kiến hàng tháng
 - Trả nợ dự kiến hàng tháng và thời hạn khoản vay
 - Tỷ lệ trả nợ theo tháng so với tiết kiệm theo tháng
 - Tính bền vững của doanh nghiệp tiếp nhận: có duy trì trong lĩnh vực đó không.

VII. Phân tích tài sản thế chấp và bảo lãnh

- Phân tích đơn vị bảo lãnh, bao gồm hoạt động,, tình hình tài chính và tín dụng của nó;
- Phân tích các tài sản thế chấp/cầm cố, bao gồm hồ sơ cơ sở, tính hợp pháp, hợp lệ, giá trị đánh giá và tính toán các tài sản thế chấp/cầm cố
- Đối với các dự án ESCO, phân tích hợp đồng thực hiện năng lượng giữa ESCO và đơn vị sử dụng cuối, mức tiết kiệm dự kiến, và đo đạc và xác minh (M&V) được sử dụng để xác nhận kết quả thực hiện và đảm bảo sự bền vững

VIII. Đánh giá tác động môi trường và Đánh giá chính sách tái định cư

- Mô tả các tác động môi trường và xã hội của tiểu dự án và các biện pháp khắc phục được yêu cầu hoặc được dự báo.
- Xác nhận các phê duyệt của chính phủ yêu cầu, xếp loại môi trường, ĐTM (nếu yêu cầu)

- Xác nhận sự tuân thủ các tiêu chí hợp lệ về môi trường.
- Xác nhận xem có phải kích hoạt Khung chính sách tái định cư cho tiểu dự án đề xuất không;
- Xác nhận các loại công cụ tái định cư sẽ được yêu cầu để lập RPF như dưới đây cho tiểu dự án đề xuất;
- Xác nhận sự tuân thủ các phê duyệt của chính phủ theo yêu cầu đối với việc thu hồi đất gàn đây và RAP đáp ứng yêu cầu theo RPF dưới đây cho các hoạt động thu hồi đất được đề xuất trong tiểu dự án

IX. Mua sắm đấu thầu

- Mô tả các gói thầu chính hàng hóa được mua sắm, cùng với đánh giá về các thu xếp hợp đồng, phương pháp, và các nguồn có thể cung cấp
- Mô tả thiết bị nhập khẩu: lý do nhập khẩu thiết bị, đặc tính hiệu suất của thiết bị nhập khẩu
- Hợp đồng thương mại: nhà cung cấp, giá trị thương mại, các điều khoản của hợp đồng, phương thức và điều kiện thanh toán
- Việc xác nhận vay sẽ thực hiện theo khuôn khổ mua sắm.

X. Kết luận

- Xếp hạng tín nhiệm bên vay đề xuất
- Điều khoản đề xuất của khoản vay lại: giá trị khoản vay, lãi suất
- Các vấn đề thảo luận nội bộ.

Phụ lục 3: Mẫu Kế hoạch Giải ngân

Dự án tiết kiệm năng lượng cho ngành công nghiệp Việt Nam

Kế hoạch giải ngân

Tên ngân hàng:

Cam kết vay IBRD (US\$):

Năm					
	Tổng kế hoạch rút vốn (triệu US\$)	Kế hoạch giải ngân			
		Quý 1 (triệu US\$)	Quý 2 (triệu US\$)	Quý 3 (triệu US\$)	Quý 4 (triệu US\$)
2017					
2018					
2019					
2020					
2021					
2022					

